

Số: 20/BC.DCL

Vĩnh Long, ngày 15 tháng 04 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Kính gửi: Quý cổ đông, khách hàng và đối tác



I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1500202535 cấp lần đầu ngày 09/11/2004, cấp thay đổi lần thứ 24 ngày 05/09/2022.
- Vốn điều lệ: 730.410.300.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 730.410.300.000 đồng
- Địa chỉ: số 150 đường 14 tháng 9, Phường 5, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
- Số điện thoại: 02703 822533
- Số fax/Fax: 02703 822129
- Website: <http://dcl.com.vn>
- Mã cổ phiếu : DCL
- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay):
 - Lịch sử hình thành:
 - Năm 1976: Hai tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh được sáp nhập thành tỉnh Cửu Long, Xí nghiệp Dược phẩm Cửu Long và Công ty Dược phẩm Cửu Long ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất, phân phối dược phẩm, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.
 - Tháng 04/1984: Xí nghiệp Dược Phẩm Cửu Long và Công ty Dược phẩm Cửu Long sáp nhập thành Xí Nghiệp Liên hiệp Dược Cửu Long. Xí nghiệp có nhiệm vụ chính là sản xuất, lưu thông phân phối thuốc, chế biến thuốc và xuất nhập khẩu các mặt hàng dược phẩm.
 - Năm 1992: Tỉnh Cửu Long được chia tách thành hai tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh. Xí Nghiệp Liên hiệp Dược phẩm Cửu Long cũng được tách thành Công ty Dược Trà Vinh và Công ty Dược Cửu Long. Tháng 11 năm 1992, Công ty Dược Cửu Long đổi tên thành Công ty Dược và Vật tư y tế Cửu Long.
 - Tháng 09/2004: Công ty thực hiện việc chuyển đổi loại hình từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần theo chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp của Chính phủ.
 - Ngày 09/11/2004: Công ty với tên gọi mới là Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long (DCL). Vốn điều lệ ban đầu là 56 tỷ đồng.
 - Những cột mốc phát triển:
 - Năm 1997: Công ty liên doanh với Hàn Quốc thành lập nhà máy sản xuất dụng cụ y tế Việt Nam - Hàn Quốc (gọi tắt là Vikimco), với công nghệ sản xuất thế hệ mới của Hàn Quốc. Hiện nay là Nhà máy sản xuất dụng cụ y tế trực thuộc DCL.
 - Năm 2000: liên doanh với đối tác Canada xây dựng nhà máy Vicancap, áp dụng công nghệ tiên tiến trong việc sản xuất Capsule (viên nang rỗng) các loại. Hiện nay là Nhà máy sản xuất Capsule trực thuộc DCL.
 - Ngày 17/09/2008: Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là DCL.

- Kể từ năm 2015, Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T trở thành Công ty mẹ của Dược Cửu Long.
- Năm 2016-2017, DCL góp vốn thành lập Công ty cổ phần Thiết bị y tế Benovas, Công ty cổ phần dược phẩm Benovas, Công ty cổ phần thuốc ung thư Benovas.
- Dự án xây mới Nhà máy sản xuất Capsule 3 đưa vào hoạt động từ tháng 8/2018, nâng công suất sản xuất viên nang rỗng tăng hơn 30%. Tiếp tục trên đà phát triển, năm 2020 Công ty đầu tư mở rộng Nhà máy sản xuất Capsule giai đoạn 4 nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường, tăng thị phần nang trên cả nước. Năm 2022-2023, Công ty đầu tư mở rộng nhà máy giai đoạn 5 với mức vốn đầu tư 232,5 tỷ đồng gồm 4 dây chuyền sản xuất Capsule và các thiết bị lựa chọn tự động đồng bộ đi kèm, tăng năng lực sản xuất thêm 2,8 tỷ nang/năm.
- Dự án xây mới Nhà máy sản xuất Thiết bị Y tế Benovas nhằm đa dạng dòng sản phẩm trang thiết bị y tế mới đáp ứng nhu cầu chữa bệnh trong nước và xuất khẩu. Do thay đổi thiết kế cho phù hợp với công năng sử dụng nên bị chậm so với tiến độ, dự kiến Nhà máy sẽ đưa vào vận hành quý 3/2024.
- Về đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng tại Vĩnh Long: chuẩn bị nghiệm thu dự án “Kho dược phẩm và Tòa nhà R&D đạt tiêu chuẩn GSP, GLP” với tổng vốn đầu tư 85 tỷ đồng. Trong đó Kho dược phẩm với mục đích tăng hạ tầng khu vực sản xuất, phục vụ tăng doanh thu mảng Dược phẩm gấp đôi trong 5 năm tới. Công trình khi đưa vào sử dụng sẽ đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh và cho chiến lược nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.
- Công ty tiếp tục thực hiện việc đánh giá kỹ lưỡng để thực hiện dự án “Nhà máy sản xuất Dược phẩm theo tiêu chuẩn EU - GMP” tại tỉnh Long An. Đây là một trong những dự án tiêu biểu của tỉnh với tổng vốn đầu tư là 1,035 tỷ đồng, quy mô 50.000 m². Công suất sản xuất thuốc, dược phẩm của nhà máy đạt 1,6 tỷ sản phẩm/năm. Trong tháng 3/2023 Công ty đã thực hiện ký hợp đồng Tư vấn thiết kế kỹ thuật với đơn vị tư vấn từ Hoa Kỳ và Châu Âu theo định hướng áp dụng công nghệ tiên tiến và qui trình sản xuất hiện đại. Hiện đang trong giai đoạn đánh bước cuối để chuyển qua ký hợp đồng turnkey và dự kiến sẽ khởi công vào Quý 3/2024.
- Năm 2024, Công ty khởi động “Dự án nâng cấp Nhà máy Non-betalactam tại Vĩnh Long đạt tiêu chuẩn EU-GMP” và “Dự án nâng cấp Nhà máy Capsules đạt tiêu chuẩn FDA”
- Định hướng hợp tác với đối tác nước ngoài cho dự án “Sản xuất và kinh doanh thực phẩm chức năng”.

- Các sự kiện khác: Không có.

2. **Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

- Ngành nghề kinh doanh: (Các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh: Dược phẩm, Capsule các loại, dụng cụ y tế các loại.

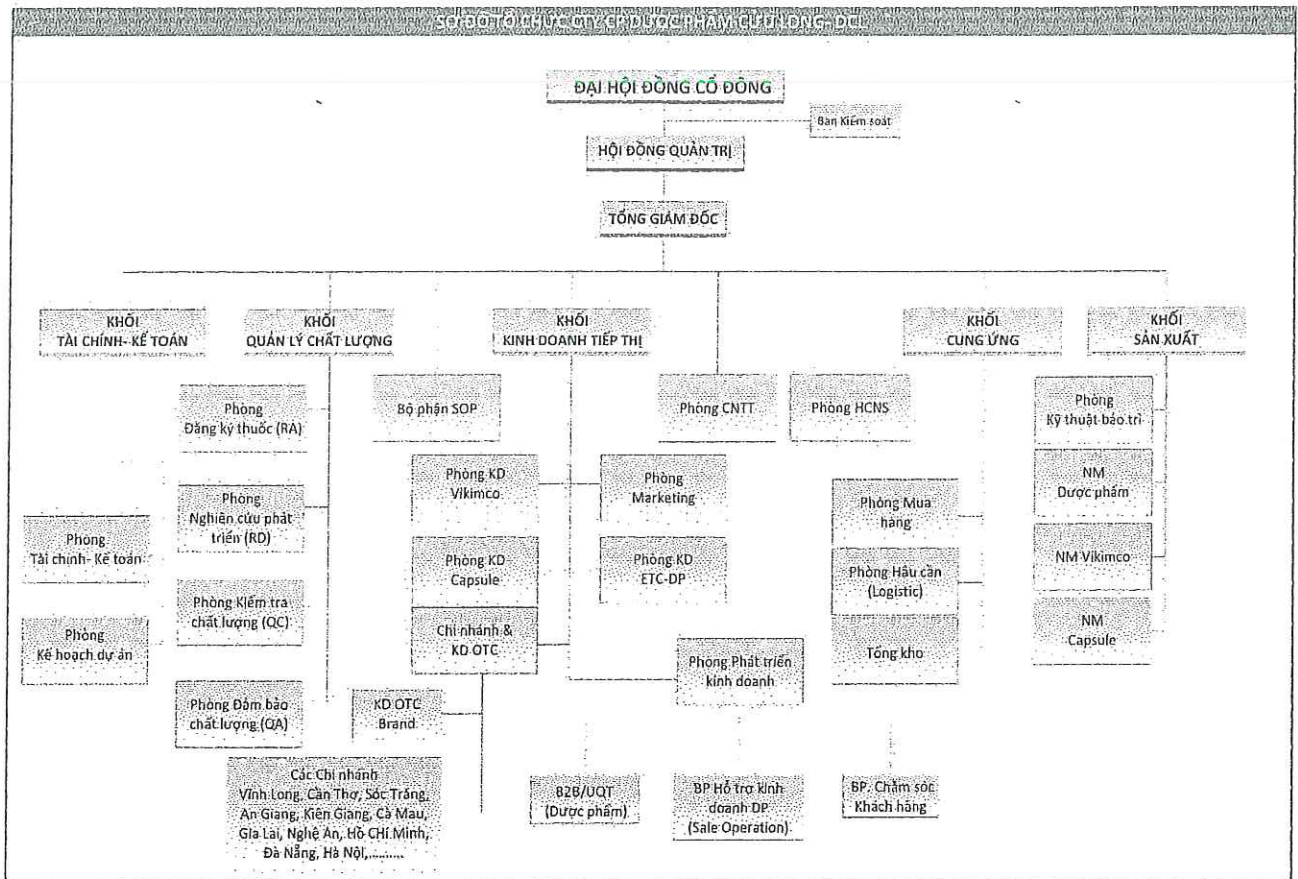
Hiện 02 ngành hàng dược phẩm và capsule chiếm trên 10% tổng doanh thu.

- Địa bàn kinh doanh: (Các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

Hiện công ty có 02 khu vực là Hà Nội và TP.HCM chiếm tỷ trọng cao trên tổng doanh thu.

3. **Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.
- Cơ cấu bộ máy quản lý:
Sơ đồ tổ chức Công ty:



- Các công ty con, công ty liên kết

TT	Công ty con	Trụ sở chính	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Hoạt động chính	Vốn góp (VNĐ)
1	Cty LD SXKD XNK Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế	Lào	Số 11, đường Lanexang, bản Hatsady, quận Chanthabory, Lào	51,00%	Gửi thiệu thuốc	1.007.810.725
3	Cty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn	Tỉnh Vĩnh Long	Số 150, đường 14/9, Phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	100,00%	Kinh doanh dược và dụng cụ y tế	163.000.000.000
4	Cty CP Dược phẩm Benovas	TP HCM	Số 276 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	99,98%	Kinh doanh dược phẩm, capsule các loại	79.980.000.000
5	Cty CP Thiết bị Y tế Benovas	Tỉnh Vĩnh Long	Số 150, đường 14/9, Phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	80,75%	Sản xuất kinh doanh dụng cụ, trang thiết bị y tế	80.750.000.000
6	Cty CP Thuốc Ung Thư Benovas	Hà Nội	Tầng 5, tòa nhà HACCI Complex tại lô 2.6, No đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	55,00%	Sản xuất và kinh doanh ngành dược	55.000.000.000

4. Định hướng phát triển

Với SỨ MỆNH và TÂM NHÌN từ Công ty mẹ - Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T,

Sứ mệnh: "NÂNG TẦM CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG BẰNG SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ VƯỢT TRỘI"

Tầm nhìn: "TẬP ĐOÀN THỊNH VƯỢNG, ĐA NGÀNH VỚI CÁC SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ KHÁC BIỆT, ĐẲNG CẤP, DẪN ĐẦU, MANG LẠI CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG TỐT ĐẸP HƠN. NƠI HỘI TỤ NHÂN TÀI, ĐƯỢC XÃ HỘI TÔN VINH"

Và SỨ MỆNH - TÂM NHÌN của Dược Cửu Long,

Sứ mệnh: "KẾT NỐI VÀ CẢI THIỆN CUỘC SỐNG CỦA CỘNG ĐỒNG THÔNG QUA NHỮNG GIẢI PHÁP SỨC KHỎE TỐI ƯU"

Tầm nhìn: "LÀ CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ CAO NHẤT BỞI BỆNH NHÂN, ĐỐI TÁC VÀ NHÂN VIÊN THÔNG QUA NHỮNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ SÁNG TẠO, DỄ TIẾP CẬN VÀ CHĂM SÓC TỐT NHẤT"

- Dược Cửu Long thiết lập các mục tiêu chủ yếu:
 - Vào năm 2027, Dược Cửu Long là công ty hàng đầu sở hữu các nhà máy sản xuất đạt chuẩn EU-GMP/CE/FDA. Hoàn thiện danh mục sản phẩm để đạt 50% các sản phẩm sản xuất dẫn đầu thị trường. Doanh thu dự kiến đạt 3.200 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 512 tỷ đồng.
 - Tối ưu hoá hoạt động của các nhà máy để giảm chi phí sản xuất; Công suất khai thác các nhà máy, dây chuyền sản xuất trên 80%.
 - Môi trường làm việc chuyên nghiệp, tinh gọn.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
 - Đầu tư các nhà máy sản xuất đạt chuẩn EU-GMP/CE/FDA.
 - Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo đội ngũ kế thừa.
 - Đẩy mạnh kinh doanh xuất khẩu dược phẩm, dụng cụ y tế, viên nang rỗng sang thị trường Châu Á.
 - Phát triển sản phẩm mới, sản phẩm thử tương đương sinh học.
 - Tập trung xây dựng nhóm hàng chiến lược có doanh số lớn và lợi nhuận cao.
 - Tăng cường các biện pháp quản trị rủi ro về chuỗi cung ứng, tài chính, kinh doanh.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:
 - Hệ thống chất lượng được Công ty áp dụng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Riêng Nhà máy dụng cụ y tế áp dụng thêm tiêu chuẩn ISO 13485:2016 & ISO 7886-1:2017. Nhà máy dược phẩm, nhà máy Capsule được chứng nhận đáp ứng các yêu cầu về thực hành tốt sản xuất (GMP), thực hành tốt phòng thí nghiệm (GLP) và thực hành tốt bảo quản (GSP) đối với cơ sở sản xuất thuốc và nguyên liệu làm thuốc. Kho dược phẩm được chứng nhận đáp ứng các yêu cầu về thực hành tốt phân phối thuốc (GDP) và thực hành tốt bảo quản thuốc (GSP), Kho Capsule được chứng nhận đáp ứng các yêu cầu về thực hành tốt phân phối nguyên liệu làm thuốc (GDP).
 - Tự động hoá các công đoạn sản xuất tại các nhà máy; Áp dụng quy trình Kazen, PDCA vào quá trình sản xuất..
 - Thực hiện tốt bảo vệ môi trường, có các giải pháp cải thiện môi trường thông qua báo cáo đánh giá tác động môi trường. Quản lý chặt chẽ hoạt động hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo nước thải đầu ra đạt quy chuẩn về môi trường.
 - Hưởng ứng và tham gia đầy đủ các chính sách xã hội do các cơ quan ban ngành tại địa phương phát động, tích cực hưởng ứng các chương trình vì cộng đồng trong và ngoài tỉnh Vĩnh Long.

5. Các rủi ro:

Rủi ro	Ảnh hưởng	Quản trị
Rủi ro kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Các doanh nghiệp dược không những cạnh tranh về kinh doanh mà còn về nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, đổi mới sản phẩm để đáp ứng nhu cầu của người sử dụng thuốc - Việc quản lý giá thuốc hiện nay dẫn đến tình trạng Công ty gặp khó khăn trong việc điều chỉnh giá bán khi giá nguyên liệu đầu vào biến động. - Có thể phát sinh việc sửa đổi Thông tư quản lý ngành dược ảnh hưởng đến công tác đấu thầu thuốc 	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty đã hoàn thành, chuẩn bị nghiệm thu đưa vào sử dụng “Kho dược phẩm và Tòa nhà R&D đạt tiêu chuẩn GSP, GLP” với mục đích tăng hạ tầng khu vực sản xuất; tạo ra khu vực làm việc mới và hiện đại cho khối QLCL và phòng lab hiện đại cho phòng R&D, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh và chiến lược nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới. - Tập trung xây dựng danh mục và đẩy mạnh kinh doanh nhóm hàng chiến lược, các sản phẩm có doanh thu lớn, lợi nhuận gộp cao và thương mại hóa các sản phẩm đang có số đăng ký mà chưa đưa ra thị trường. - Đối với kênh ETC, tập trung vào những dòng sản phẩm khác biệt, sản phẩm ít cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu sử dụng thuốc chuyên khoa đặc trị cao. Đồng thời nỗ lực hợp tác với đối tác, phối hợp với các chi nhánh tại mỗi khu vực tham gia đấu

	Sản phẩm mới được cấp Giấy đăng ký lưu hành chậm ảnh hưởng kế hoạch phát triển sản phẩm	thầu hiệu quả. Tăng cường phát triển các sản phẩm nhập khẩu, dòng đặc trị chuyên biệt như ung thư, tiểu đường, thần kinh, nhóm hàng hợp tác kinh doanh... Điều này giúp nâng cao sức cạnh tranh của ETC trong đấu thầu. Định hướng nghiên cứu/nhận chuyển giao 20 sản phẩm trong năm 2024. Tập trung vào nghiên cứu dòng sản phẩm mới, có ít đối thủ cạnh tranh, doanh số và lợi nhuận cao. Định hướng nghiên cứu tương đương sinh học 03 sản phẩm mới.
Rủi ro từ chuỗi cung ứng	Chi phí hậu cần tăng, phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu nên chịu ảnh hưởng từ yếu tố bên ngoài như biến động tỷ giá, lãi suất vay, nguồn hàng cung cấp...	Kiểm soát nguồn nguyên liệu đầu vào thông qua việc tìm kiếm, đa dạng nhà cung cấp với giá cạnh tranh nhất, đạt tiêu chuẩn, ổn định nguồn cung, đúng nguồn đã đăng ký với Cục quản lý Dược.
Rủi ro về các khoản phải thu	Khách hàng không có khả năng thanh toán, không thanh toán đúng hạn, công ty phải trích lập dự phòng nợ phải thu.	Xây dựng hạn mức nợ cho từng nhóm khách hàng, thẩm định khách hàng theo quy trình. Đối chiếu, đề nghị thanh toán để thu hồi nợ đúng hạn, hạn chế thấp nhất nợ khó đòi, nợ quá hạn.
Rủi ro về môi trường	Các loại chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại nếu không được quản lý chặt chẽ sẽ rò rỉ ra môi trường làm môi trường xung quanh bị ô nhiễm	Có biện pháp quản lý hệ thống nhà chứa tối ưu nhất để nếu có xảy ra sự cố sẽ thu gom và xử lý được triệt để.
	Các thiết bị dùng trong các hệ thống xử lý chất thải nếu gặp sự cố làm hư hỏng nguy cơ các hệ thống xử lý chất thải này dừng hoạt động.	Có phương án thay thế các thiết bị cần thiết nếu gặp sự cố bất ngờ bằng cách đầu tư song song 2 thiết bị, 1 thiết bị vận hành và 1 thiết bị dự phòng cho các công đoạn xử lý chất thải.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

– Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023:

1.1. Kết quả sản xuất:

ĐVT: Triệu sản phẩm

Nhóm hàng	Thực hiện năm 2023	So với kế hoạch năm 2023		So với năm 2022	
		Kế hoạch	% hoàn thành kế hoạch	Thực hiện năm 2022	% tăng/giảm
Dược phẩm	732	910	71,8%	822	-11,6%
Capsule	5.766	8.600	67%	7.969	-27,6%
Dụng cụ y tế	71.35	72.63	98,24%	90.77	-21,4%

Nhà máy sản xuất dược phẩm:

- Năm 2023 nhà máy sản xuất dược phẩm xây dựng kế hoạch với mục tiêu thách thức:
 - Nâng cấp cơ sở hạ tầng và thực hiện tái đánh giá WHO- GMP vào tháng 10/2023;
 - Nâng cao chất lượng và chuyên môn hóa nguồn nhân lực: một công nhân vận hành thành thạo ít nhất 2 thiết bị sản xuất trong nhà máy;
 - Cải tiến liên tục tăng và năng suất lao động 12,1% so với năm 2022;
 - Giảm chi phí sản xuất, cụ thể là năm 2023 chi phí tiêu hao nguyên liệu giảm và đạt mức bình quân 1%; chi phí tiêu bao bì các loại giảm và đạt mức bình quân 0,5 %.
- Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất của nhà máy sản xuất Dược phẩm năm 2023 đạt 71,8% so với kế hoạch do chiến lược kinh doanh mới:
 - Tập trung vào các sản phẩm có doanh số và biên lợi nhuận cao như nhóm thuốc đặc trị và thuốc kháng sinh thế hệ mới Cefpodoxim, Cefadroxil, Cefixim, Cefuroxim;

- Thực hiện chính sách kinh doanh auto-sales cho nhóm sản phẩm thông thường có giá trị thấp và sản lượng sản xuất cao;
- Năm 2023 nhà máy đã đầu tư 02 máy đóng gói cấp 2 bán tự động và giảm bớt lao động thủ công tại khâu đóng gói cấp 2.



Nhà máy sản xuất Capsule:

Do ảnh hưởng chung của nền kinh tế, tốc độ tăng trưởng của các lĩnh vực sản xuất nói chung và của ngành công nghiệp Dược nói riêng bị suy giảm mạnh so với giai đoạn hậu Covid 2022, các doanh nghiệp Dược trong lĩnh vực thực phẩm chức năng bị ảnh hưởng do việc siết chặt quản lý của cơ quan chủ quản, từ đó kéo theo nhu cầu tiêu thụ nang - nguyên liệu cơ bản của các công ty dược bị suy giảm khá lớn. Đây là yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến sản lượng đầu ra của nhà máy Capsule. Bên cạnh đó, năm 2023 nhà máy Capsule còn chịu yếu tố cạnh tranh của các đối thủ truyền thống như ACG - với chiến lược giành lại các khách hàng bị mất và đối thủ nang Trung Quốc với chiến lược nang giá rẻ...

Tuy nhiên, trong năm 2023 hoạt động sản xuất của nhà máy cũng có được những tiến bộ nhất định về chất lượng sản phẩm, mức độ tin dùng sản phẩm nang Capsule đối với các khách hàng khó tính, khách hàng lớn thuộc hàng Top ten được tăng lên. Cụ thể: sản phẩm nang đã được các khách hàng Domesco, Trapharco, DHG, TW3... sử dụng với số lượng lớn. Tỷ lệ - mức độ phản ánh về chất lượng- các vấn đề phát sinh trong quá trình sử dụng và lưu hành sản phẩm nang trên thị trường của khách hàng có sự tiến bộ so với năm 2023.



Nhà máy sản xuất dụng cụ y tế:

Năm 2023 ngành hàng thiết bị y tế bị giảm do nhu cầu mua sắm của các bệnh viện và khách hàng khác không còn cao so với nhu cầu trong mùa dịch Covid, bên cạnh đó thị phần của ngành hàng còn chịu ảnh hưởng của hàng nhập khẩu từ Trung Quốc.

Ngoài ra, ngành hàng thiết bị y tế còn chịu nhiều ảnh hưởng bởi chiến tranh, dịch bệnh làm cho giá nguyên liệu và vận chuyển tăng, ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản xuất, giảm tính cạnh tranh. Sản lượng sản xuất năm 2023 bị sụt giảm 21,4% so với năm 2022. Trước những khó khăn trên Ban lãnh đạo Công ty cùng đội ngũ kỹ thuật nhà máy chủ động tìm kiếm giải pháp để tiết kiệm chi phí, giảm giá thành và đã triển khai đầu tư các dự án như sau:

- Dự án đưa ra dòng sản phẩm mới tiết kiệm nhựa đã đưa vào sản xuất từ quý 4/2023 kết quả bơm 10CC đã đưa ra thị trường tiết kiệm hơn 27% nguyên liệu, 10% bao bì. Riêng bơm 5CC đang được chỉnh sửa lại theo góp ý của khách hàng để hoàn chỉnh trước khi đưa ra thị trường.
- Kiểm soát, bảo trì bảo dưỡng, chăm sóc tốt thiết bị máy móc, đáp ứng tốt nhất cho sản xuất, giảm tiêu hao năng lượng. Năm 2023 chi phí điện giảm 5,5%
- Kiểm soát tốt việc thực hiện ngân sách cho sản xuất năm 2023.
- Bố trí lao động hợp lý, đào tạo một lao động có thể làm được nhiều vị trí công việc khác nhau. Năm 2023 Nhà máy giảm được 5 lao động.
- Dự án Nhà máy Sản xuất Thiết bị y tế Benovas do thay đổi thiết kế cho phù hợp với công năng sử dụng nên bị chậm tiến độ. Dự kiến Nhà máy sẽ được đưa vào vận hành quý 3/2024.

1.2. Kết quả kinh doanh:

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2023	Tỷ lệ tăng/giảm thực hiện 2023 so với kế hoạch 2023	Thực hiện 2022	Tỷ lệ tăng/giảm thực hiện 2023 so thực hiện 2022
Doanh thu thuần	1.143.946	1.150.000	-0,53%	1.015.686	12,63%
Lợi nhuận gộp	209.914	373.865	-43,85%	282.101	-25,59%
Lợi nhuận trước thuế	78.111	160.023	-51,19%	141.542	-44,81%
Lợi nhuận sau thuế	62.134	128.019	-51,46%	112.914	-44,97%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất 2023 đã kiểm toán)

Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2023	Tỷ lệ tăng/giảm thực hiện 2023 so với kế hoạch 2023	Thực hiện 2022	Tỷ lệ tăng/giảm thực hiện 2023 so với thực hiện 2022
Doanh thu thuần	1.143.946	1.150.000	-0,53%	1.015.686	12,63%
Giá vốn	934.032	776.135	20,34%	733.585	27,32%
Lợi nhuận gộp	209.914	373.865	-43,85%	282.101	-25,59%
Doanh thu tài chính	40.016	30.089	32,99%	52.992	-24,49%
Chi phí tài chính	33.584	57.631	-41,73%	39.830	-15,68%
Chi phí bán hàng	87.868	120.750	-27,23%	104.007	-15,52%
Chi phí quản lý	51.320	65.550	-21,71%	49.809	3,03%
Lợi nhuận thuần từ HĐSXKD	77.158	160.023	-51,78%	141.447	-45,45%
Lợi nhuận trước thuế	78.111	160.023	-51,19%	141.542	-44,81%
Lợi nhuận sau thuế	62.134	128.019	-51,46%	112.914	-44,97%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất 2023 đã kiểm toán)

- Doanh thu thuần 2023 đạt so với kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, riêng Doanh thu bán hàng hoá thương mại (hàng hợp tác cùng các đối tác để phân phối và dự thầu kênh ETC) tăng 245% so với năm 2022. Tuy nhiên, hàng hóa thương mại chủ yếu tham gia thầu bệnh viện nên có tỷ lệ lãi gộp thấp, nên vô hình chung kéo tỷ lệ lãi gộp chung của toàn công ty
- Do nhu cầu thị trường giảm và chịu sự cạnh tranh cao tại phân nhóm hàng do Công ty sản xuất, nên Công ty đã tiếp tục duy mảng hàng NK và tăng lượng hàng hóa TM (tập trung vào các sản phẩm nhóm chất lượng cao để tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, cũng như tìm hiểu cơ hội mở rộng danh mục sản phẩm phát triển trong tương lai tại DCL.
- Ngoài ra đối với hàng hóa sản xuất do chi phí nguyên liệu đầu vào tăng (chi phí logistic, nguồn cung khan hiếm, tỷ giá tăng ...) làm tăng giá vốn sản phẩm dẫn đến lãi gộp giảm.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

STT	Thành viên Ban điều hành	Chức vụ	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Số lượng cổ phiếu sở hữu
1	Ông Lương Trọng Hải	Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật	16/10/1970	Kỹ sư hàng hải, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	0
2	Ông Nghiêm Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc PT tài chính	15/12/1976	Cử nhân Tài chính doanh nghiệp	0
3	Bà Trần Khiêm	Phó Tổng Giám đốc sản xuất	05/05/1966	Đại học dược, Đại học quản trị kinh doanh	0
4	Ông Nguyễn Trọng Đức	Phó Tổng Giám đốc PT Khối Kinh doanh-Tiếp thị	31/10/1975	Đại học Quan hệ Quốc tế	0
5	Bà Nguyễn Lâm Minh Thương	Kế toán trưởng	27/11/1977	Cử nhân tài chính ngân hàng	11

- Những thay đổi trong Ban điều hành:

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành
1	Ông Nghiêm Xuân Trường - Giám đốc tài chính	15/12/1976	Cử nhân Tài chính doanh nghiệp	Ngày miễn nhiệm: 01/03/2023
	Ông Nghiêm Xuân Trường - Phó Tổng Giám đốc PT tài chính	15/12/1976	Cử nhân Tài chính doanh nghiệp	Ngày bổ nhiệm: 01/03/2023
2	Bà Trần Khiêm - Phó Tổng Giám đốc sản xuất	05/05/1966	Đại học dược, Đại học quản trị kinh doanh	Ngày bổ nhiệm: 01/04/2023
3	Ông Nguyễn Trọng Đức - Phó TGD sản xuất	31/10/1975	Đại học Quan hệ Quốc tế	Ngày miễn nhiệm: 01/04/2023
	Ông Nguyễn Trọng Đức - Phó TGD PT Chuỗi cung ứng	31/10/1975	Đại học Quan hệ Quốc tế	Ngày bổ nhiệm: 01/04/2023
4	Ông Nguyễn Trọng Đức - Phó TGD PT Chuỗi cung ứng	31/10/1975	Đại học Quan hệ Quốc tế	Ngày miễn nhiệm: 20/10/2023
	Ông Nguyễn Trọng Đức - Phó TGD PT Khối Kinh doanh-Tiếp thị	31/10/1975	Đại học Quan hệ Quốc tế	Ngày bổ nhiệm: 20/10/2023

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:
 - Tổng số lao động của công ty cuối năm 2023 là 830 người. Trong đó, trình độ trên đại học: 15 người (2%); Đại học, cao đẳng 332 người (40%); trung cấp: 204 người (24%); sơ cấp và công nhân lành nghề: 279 người (34%)
 - Công ty luôn quan tâm và thực thi đầy đủ, đúng quy định các chế độ, chính sách đối với người lao động về BHXH, BHYT, BHTN và kiểm tra sức khỏe định kỳ. Bên cạnh đó, Công ty còn mua thêm bảo hiểm kết hợp cho người lao động, chính sách Bảo hiểm sức khỏe cho trường, phó các bộ phận.
 - Duy trì việc hỗ trợ bữa ăn giữa ca cho CB.CNV, với giá trị 20.000đ/1 suất ăn.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

- Trong năm 2023 đã hoàn thành sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng cho các Nhà máy nhằm phục vụ tái đánh giá GMP-WHO tuân thủ theo quy định của cơ quan quản lý Nhà nước;
- Dược Cửu Long tiếp tục thực hiện việc đánh giá kỹ lưỡng để thực hiện dự án “Nhà máy sản xuất Dược phẩm theo tiêu chuẩn EU - GMP”. Trong tháng 3/2023 đã thực hiện ký hợp đồng Tư vấn thiết kế kỹ thuật với đơn vị tư vấn từ Hoa Kỳ và Châu Âu theo định hướng áp dụng công nghệ tiên tiến và qui trình SX hiện đại. Hiện đang trong giai đoạn đánh bước cuối để chuyển qua ký hợp đồng turnkey và dự kiến sẽ khởi công vào Quý 3/2024;
- Trong sản xuất và cung ứng viên nang rỗng (capsule): Dược Cửu Long đang hoàn thành dự án “Mở rộng Nhà máy Capsule giai đoạn 5”, công suất thiết kế 2,8 tỷ nang/ năm nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng, tăng lợi nhuận cho Công ty. Dự án dự kiến chính thức đưa vào hoạt động trong Quý 2/2024;
- Trong sản xuất dụng cụ y tế: Dự án “Nhà máy sản xuất Thiết bị Y tế Benovas” đáp ứng tiêu chuẩn CE và FDA, có tổng mức đầu tư của dự án là 373 tỷ đồng. NM có công suất thiết kế 21,5 triệu sp/tháng với mục đích tạo ra thêm nhiều sản phẩm trang thiết bị vật tư y tế mới đáp ứng nhu cầu phục vụ chữa bệnh trong nước và hướng tới xuất khẩu ra thị trường quốc tế. Dự kiến dự án sẽ đưa vào hoạt động trong Quý 3/2024;
- Về đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng tại NM hiện hữu tại Vĩnh Long, đang chuẩn bị nghiêm thu dự án “Kho dược phẩm và Tòa nhà R&D đạt tiêu chuẩn GSP, GLP” với tổng vốn đầu tư 85 tỷ đồng, tổng diện tích xây dựng 2.227,6 m². Trong đó Kho dược phẩm có quy mô xây dựng 1 tầng, với mục đích tăng hạ tầng khu vực sản xuất để phục vụ tăng doanh thu mảng Dược phẩm gấp đôi trong 5 năm tới; Đáp ứng nhu cầu lưu trữ hàng hóa cho Công ty đảm bảo chất lượng và an toàn trong điều kiện thời tiết nắng nóng và nhiều mưa. Đối với Tòa nhà R&D với mục đích tạo ra khu vực làm việc mới và hiện đại cho khối QLCL và phòng lab hiện đại cho

phòng R&D. Công trình khi đưa vào sử dụng sẽ đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh và cho chiến lược nghiên cứu và phát triển SP mới.;

- Đối với mảng đầu tư mua sắm - nâng cấp trang thiết bị: đã thực hiện mua sắm với tổng giá trị khoảng 9 tỷ đồng gồm các thiết bị nâng cao chất lượng kiểm nghiệm như (Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC), Máy quang phổ hồng ngoại, Máy sắc ký khí, Tủ sấy tĩnh...) và các trang thiết bị khác nhằm nâng cao chất lượng sản xuất, cải tiến sản phẩm tăng tính cạnh tranh thị trường;
- Năm 2024, Công ty khởi động “Dự án nâng cấp Nhà máy Non-betalactam tại Vĩnh Long đạt tiêu chuẩn EU-GMP” và “Dự án nâng cấp Nhà máy Capsules đạt tiêu chuẩn FDA”
- Định hướng hợp tác với đối tác nước ngoài cho dự án “Sản xuất và kinh doanh thực phẩm chức năng”.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

Nội dung giống mục 3 phần I của báo cáo này.

4. **Tình hình tài chính**

a) Tình hình tài chính

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	2.277.459.686.188	2.105.322.887.503	8,18%
Doanh thu thuần	1.143.946.300.244	1.015.685.512.758	12,63%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	77.157.673.223	141.447.374.505	-45,45%
Lợi nhuận khác	953.017.067	94.190.866	911,79%
Lợi nhuận trước thuế	78.110.690.290	141.541.565.371	-44,81%
Lợi nhuận sau thuế	62.134.364.376	112.913.962.533	-44,97%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

- Các chỉ tiêu khác: Không có.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

ĐVT: đồng

Chi tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
<i>1. Chi tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	2,57	2,27	-11,56%
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho	2,00	1,68	-15,95%
Nợ ngắn hạn			
Nợ ngắn hạn	554.067.518.856	618.074.636.805	11,55%
Tài sản ngắn hạn	1.422.244.637.211	1.403.123.810.398	-1,34%
Hàng tồn kho	315.080.042.466	365.030.884.166	15,85%
<i>2. Chi tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,34	0,36	7,08%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,51	0,57	11,11%
Nợ phải trả	713.665.523.351	826.667.957.660	15,83%
Tổng Tài sản	2.105.322.887.503	2.277.459.686.188	8,18%
Vốn chủ sở hữu	1.391.657.364.152	1.450.791.728.528	4,25%
<i>3. Chi tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	2,35	2,75	16,68%
+ Vòng quay tổng tài sản:			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,52	0,52	-0,13%
Giá vốn hàng bán	733.585.167.845	934.032.409.930	48,65%
<i>4. Chi tiêu về khả năng sinh lời/</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,11	0,05	-51,14%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	0,08	0,04	-47,21%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,05	0,03	-49,13%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,14	0,07	-51,57%
Doanh thu thuần	1.015.685.512.758	1.143.946.300.244	4,83%
Lợi nhuận sau thuế	112.913.962.533	62.134.364.376	27,32%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	141.447.374.505	77.157.673.223	28,32%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 73.041.030 cổ phần

Loại cổ phần: cổ phần phổ thông.

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 255.316 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

ST T	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đồng	Cơ cấu cổ đồng	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đồng Nhà nước	0	0	0	0	0
2	Cổ đồng sáng lập/ cổ đồng FDI/ - Trong nước					
	- Nước ngoài					
3	Cổ đồng lớn	42.402.616	58,05	01	01	0
	- Trong nước	42.402.616	58,05	01	01	0
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
4	Công đoàn Công ty					
	- Trong nước					
	- Nước ngoài					
5	Cổ phiếu quỹ					
6	Cổ đồng sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)					
7	Cổ đồng khác					
	- Trong nước	29.763.076	40,75	2.134	14	2.120
	- Nước ngoài	875.338	1,20	50	11	39
TỔNG CỘNG		73.041.030	100	2.185	26	2.159
<i>Trong đó: - Trong nước</i>		<i>72.165.692</i>	<i>98,80</i>	<i>2.135</i>	<i>15</i>	<i>2.120</i>
<i>- Nước ngoài</i>		<i>875.338</i>	<i>1,20</i>	<i>50</i>	<i>11</i>	<i>39</i>

(Theo danh sách cổ đồng chốt ngày 20/03/2024)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	Thời gian	Đối tượng chào bán	Lý do tăng	Số lượng tăng	Giá trị tăng	Số lượng lũy kế	Giá trị lũy kế
Vốn điều lệ ban đầu	2005					5,600,000	56,000,000,000
Vốn điều lệ tăng thêm	2007	Cổ đồng nội bộ, cổ đồng bên ngoài	Phát hành nội bộ+bán bên ngoài	2,500,000	25,000,000,000	8,100,000	81,000,000,000
	2008	Cổ đồng hiện hữu	Chi cổ tức bằng cổ phiếu+thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 20:1	1,619,308	16,193,080,000	9,719,308	97,193,080,000
	2010	Cán bộ, nhân viên công ty	Phát hành ESOP	194,384	1,943,840,000	9,913,692	99,136,920,000
	2015	Cán bộ, nhân viên công ty	Phát hành ESOP	145,788	1,457,880,000	10,059,480	100,594,800,000
	2015	Cổ đồng hiện hữu	Phát hành tỷ lệ 1:1	10,059,480	100,594,800,000	20,118,960	201,189,600,000
	2016	Cổ đồng hiện hữu	Thưởng 100% bằng nguồn vốn chủ sở hữu	20,118,960	201,189,600,000	40,237,920	402,379,200,000
	2016	Cổ đồng hiện hữu	Thưởng 40% bằng nguồn vốn chủ sở hữu	16,094,904	160,949,040,000	56,332,824	563,328,240,000
	2017	Cán bộ, nhân viên công ty	Phát hành ESOP	500,000	5,000,000,000	56,832,824	568,328,240,000
	2021	Cán bộ, nhân viên công ty	Phát hành ESOP	2,000,000	20,000,000,000	58,832,824	588,328,240,000
Vốn điều lệ hiện tại	2022	NĐTCKCN	Chào bán riêng lẻ	14,208,206	142,082,060,000	73,041,030	730,410,300,000

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: gián tiếp (khoảng 7.612.000 m³).

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: không.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 525.577.143 kg.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không có.

- 6.3. Tiêu thụ năng lượng:
- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 13.600.700 Kw.
 - b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có.
 - c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: không có.
- 6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm): 92.258 m³
- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty cấp nước Vĩnh Long.
 - b) Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có.
- 6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:
- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không.
 - b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không.
- 6.6. Chính sách liên quan đến người lao động
- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:
 - Số lượng lao động bình quân trong năm 2023: 833 người.
 - Lương bình quân năm 2023: 8.062.835 đồng/người.
 - b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:
 - Duy trì và thực hiện đúng, đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với người lao động về BHXH, BHYT, BHTN, BNTNLĐ, bệnh nghề nghiệp.
 - Hợp đồng bảo hiểm kết hợp con người cho người lao động; Bảo hiểm sức khỏe cho cán bộ chủ chốt (trưởng, phó bộ phận).
 - Duy trì suất ăn giữa ca và hỗ trợ bằng tiền mặt cho người lao động, với giá trị: 20.000đ/suất để nâng chất lượng bữa ăn giữa ca và hỗ trợ bằng tiền trong trường hợp người lao động làm việc ca 3, các trường hợp không dùng cơm tại nhà ăn Công ty.
 - Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, lập hồ sơ theo dõi và quản lý theo quy định.
 - Trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị, bảo hộ lao động (kính chống nhiệt), PCCC, đào tạo nội bộ,... đảm bảo người lao động làm việc trong môi trường lành mạnh, an toàn. Các thiết bị sản xuất luôn được hiệu chuẩn định kỳ, thiết bị an toàn PCCN được kiểm tra thường xuyên; Môi trường cây xanh, hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn. Chi trả độc hại cho nhân viên làm việc trong môi trường độc hại theo quy định.
 - c) Hoạt động đào tạo người lao động
 - Đào tạo hội nhập cho 100% người lao động mới tuyển, đào tạo kỹ năng và hướng dẫn các quy trình hoạt động, vận hành máy móc thiết bị cho công nhân các Nhà máy. Tổng cộng: 3.369 lượt CB.CNV tham dự với 66 chương trình đào tạo bằng cách hình thức E-Learning, đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài nổi bật trong số đó là các chương trình về an toàn lao động, tập huấn nghiệp vụ PCCC, phương pháp kiểm soát stress, quản lý cảm xúc... Điển hình là khóa đào tạo "Bán hàng bằng trái tim" do Chủ tịch xây dựng và đào tạo, tạo nên sự khác biệt trong kinh doanh để phát triển vững chắc trong môi trường nhiều cạnh tranh. Khóa đào tạo - chia sẻ về hệ thống OGSM để toàn thể CB.CNV có thể hiểu và đạt được kết quả như mong muốn, đồng tâm hiệp lực cùng nhau đi đến thành công.
 - Tổng số chi phí được dùng cho việc cử CB.CNV đi tham gia các khóa học, hội thảo của các đơn vị như: Cục quản lý dược, VCCI, Hiệp hội Doanh nghiệp Dược,... được tổng hợp với số tiền là hơn 112 triệu đồng.
 - Tổ chức buổi workshop nội bộ với chủ đề "Cải tiến chất lượng sản phẩm" để các thành viên tham dự đều có cơ hội được nói lên những ý kiến, đánh giá về chất lượng sản phẩm hiện tại của Công ty một cách khách quan nhất.
- 6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

- Phong trào vận động đóng góp, tương trợ trong toàn Công ty được quán triệt đầy đủ và nhiệt tình hưởng ứng của tập thể công ty. Ban Lãnh đạo Công ty luôn tạo điều kiện để các hoạt động phong trào về Văn hóa- Xã hội, thể dục thể thao được duy trì thường xuyên;
- Bàn giao được 2 căn nhà theo chương trình “ Mái ấm công đoàn”. Đóng góp quỹ phòng chống thiên tai, với tổng số tiền là 154.320.000 đồng; ủng hộ quỹ vì người nghèo 30.000.000 đồng, đóng góp hoạt động xã hội tại địa phương như: tài trợ sổ tiết kiệm cho thanh niên lên đường nhập ngũ, ủng hộ 01 tấn gạo cho hộ nghèo, hỗ trợ chi phí trang bị thiết bị, dụng cụ mới cho lực lượng phòng cháy chữa cháy địa phương... các hoạt động với tổng chi phí gần 100.000.000 đồng;
- Công ty xây dựng tiêu chuẩn đơn vị văn hóa, đăng ký phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; vận động mọi người đăng ký đảm bảo an toàn giao thông; ký cam kết bảo mật thông tin và chống tham nhũng.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

Trong năm qua Công ty chưa tham gia vào thị trường vốn xanh.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây:

Đã nêu tại mục 1 phần II của báo cáo này.

b) Những tiến bộ công ty đã đạt được.

- Theo báo cáo tài chính năm 2023 của Dược Cửu Long, doanh thu thuần đạt 99,39% so với kế hoạch, tăng 12,63% so với năm 2022, để có được kết quả như trên, Dược Cửu Long đã nỗ lực không ngừng việc mở rộng sản xuất kinh doanh với nhiều hoạt động trong năm 2023 như sau:
- Mạng lưới phân phối sản phẩm của DCL trải dài khắp các tỉnh thành trên cả nước gồm 11 chi nhánh, hơn 89 nhà phân phối, kênh ETC cung cấp thuốc vào 783 bệnh viện, Phòng khám đa khoa, Trung tâm y tế trên toàn quốc.
- Tăng trưởng nổi bật của ngành hàng Dược phẩm vượt 6,76% so với năm 2022. Kết quả này đến từ việc nắm bắt kịp thời nhu cầu khách hàng, bổ sung danh mục sản phẩm – đa dạng hoá nguồn cung thông qua việc sản xuất trực tiếp, kinh doanh thêm các sản phẩm nhập khẩu và hàng hợp tác phân phối.
- Đối với kênh OTC, ngoài phát triển thị trường bán lẻ, DCL đã đưa sản phẩm của công ty vào hệ thống các chuỗi nhà thuốc như Pharmacity, Long Châu,... Ngoài ra, để tiếp cận trực tiếp đến khách hàng, giúp các đơn vị nhà thuốc, quầy thuốc,... và người dùng sản phẩm dễ dàng tìm kiếm thông tin sản phẩm, DCL đã hợp tác với hệ thống bán thuốc online.
- Đối với Kênh ETC, DCL trực tiếp tham gia thầu và trúng nhiều gói thầu khác nhau tại các sở y tế, cung cấp sản phẩm đến hầu hết các bệnh viện, trung tâm y tế trên cả nước. DCL đã trúng thầu thuốc điều trị ung thư tại các bệnh viện lớn như: Bệnh viện Huyết học Truyền máu Trung Ương, Bệnh viện K, Bệnh viện Truyền máu huyết học Thành phố Hồ Chí Minh, Bệnh viện Nguyễn Trãi, Bệnh viện Bình Dân, SYT Cần Thơ, ...
- Năm 2023 đội ngũ kinh doanh đã nỗ lực tìm kiếm nguồn hàng để đa dạng hoá danh mục sản phẩm, lần đầu tiên DCL đưa vào hoạt động hợp tác kinh doanh các sản phẩm không do Công ty sản xuất trực tiếp (nhóm Hàng hoá thương mại). Điều này giúp DCL hiểu, nắm bắt được nhu cầu thị trường, mở rộng mạng lưới phân phối và cũng đóng góp tỷ trọng lớn trong kinh doanh DCL chiếm 16% năm 2023. Đặc biệt, kênh ETC đã tham gia đấu thầu nhóm Hàng hoá thương mại với giá trị tham dự 373 tỷ và giá trị trúng thầu đạt 280 tỷ đồng.
- Việc kinh doanh nguyên liệu làm thuốc giúp DCL đa dạng hoá nguồn cung cấp, doanh thu hoạt động kinh doanh cũng đóng góp lớn vào tổng doanh thu DCL chiếm 12% năm 2023 và đây cũng là một trong những hướng kinh doanh các sản phẩm liên quan trong ngành để xây dựng kế hoạch kinh doanh mới cho các năm sau.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tổng tài sản tăng từ 2.105 tỷ lên 2.277 tỷ tương ứng tỷ lệ tăng 8,2%. Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng từ 251,9 tỷ tăng lên 293,2 tỷ tương ứng tăng 16,4%, chủ yếu tăng khoản nợ về hàng hóa thương mại do doanh số bán tăng.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Hệ số thanh toán nhanh năm 2023 là 1,68 so với năm 2022 là 2,0 giảm 15,95%, luôn duy trì mức tốt trong công tác quản lý tài chính, đảm bảo khả năng thanh toán đối với các khoản nợ của Công ty.

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay:

Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

3. **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.**

- Thiết lập, sắp xếp cơ cấu tổ chức phù hợp mô hình hoạt động sản xuất kinh doanh theo các Khối/Phòng và phân công nhiệm vụ trong Ban Tổng giám đốc phụ trách các Khối/Phòng theo chức năng, nhiệm vụ phù hợp với kinh nghiệm, chuyên môn sâu và phát huy năng lực nội tại để phát triển đội ngũ nhân sự hiện có;

- Rà soát, điều chỉnh, lập mới các SOP của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Triển khai thành công phần mềm Base - Nền tảng quản trị Doanh nghiệp trực tuyến, thỏa thuận xây dựng thêm phần mềm nhân sự để áp dụng toàn hệ thống, từ đó góp phần giúp DCL dễ dàng quản lý công việc, quản lý thông tin, quản trị nhân sự và quản trị tài chính;

- Hệ thống ERP quản lý tài nguyên doanh nghiệp hoạt động ổn định và dần bổ sung, nâng cấp, tích hợp các quy trình hoạt động, nên mọi hoạt động liên quan số hoá được nâng dần về chất lượng, hiệu quả về thời gian;

- Hệ thống chất lượng cả Công ty áp dụng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Riêng Vikimco áp dụng thêm tiêu chuẩn ISO 13485:2016 & ISO 7886-1:2017. Nhà máy dược phẩm, nhà máy Capsule đạt chuẩn GMP-WHO, Kho dược phẩm đạt chuẩn GDP và GSP, Kho Capsule đạt chuẩn GDP.

4. **Kế hoạch phát triển trong tương lai**

Triển khai chiến lược phát triển ổn định bền vững, tăng doanh thu và lợi nhuận vượt trội thông qua các dự án đầu tư, xây dựng khi hoàn thành và đưa vào sử dụng:

- Mở rộng Nhà máy sản xuất Capsule giai đoạn 5 - tiêu chuẩn WHO-GMP (dự kiến quý 2/2024 đưa vào hoạt động); Khởi động “Dự án nâng cấp Nhà máy sản xuất Capsules đạt tiêu chuẩn FDA”;

- Dự án xây mới Nhà máy sản xuất thiết bị y tế Benovas (dự kiến quý 3/2024 đưa vào hoạt động);

- Kho dược phẩm và Tòa nhà R&D đạt tiêu chuẩn GSP, GLP (chuẩn bị nghiệm thu đưa vào sử dụng);

- Nhà máy sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn EU-GMP tại tỉnh Long An, dự kiến sẽ khởi công vào quý 3/2024;

- Khởi động “Dự án nâng cấp Nhà máy Non-betalactam tại Vĩnh Long đạt tiêu chuẩn EU-GMP”

- Định hướng hợp tác với đối tác nước ngoài cho dự án “Sản xuất và kinh doanh thực phẩm chức năng”.

5. **Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần):** Không có.

6. **Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):

Tất cả các nhà máy của công ty thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các quy định về luật môi trường:

- Các nhà máy của công ty đã được cấp các quyết định phê duyệt về báo cáo đánh giá tác động môi trường: Quyết định số: 385/QĐ.UBT ngày 25-02-1999; Quyết định số: 945/QĐ.UBT ngày 10-05-2007; Quyết định số: 185/CV.UBT ngày 03-04-1996; Quyết định số: 260/QĐ.UBT ngày 14-02-2017; các quyết định phê duyệt v/v thay đổi Báo Cáo Đánh Giá Tác Động Môi Trường.
 - Có hệ thống xử lý nước thải tại tất cả các nhà máy. Các hệ thống xử lý nước thải được cấp giấy phép xả thải số: 2390/GP-UBND ngày 01-11-2018; 2389/GP-UBND ngày 01-11-2018. Cấp giấy phép môi trường số 74/GPMT-UBND ngày 17-02-2023 Cấp phép cho Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường.
 - Các công trình xử lý chất thải của các nhà máy đã được cấp Giấy Xác Nhận Việc Đã Thực Hiện Các Công Trình, Biện Pháp Bảo Vệ Môi Trường: Số 135/GXN-STNMT ngày 24-01-2014; Số 136/GXN-STNMT ngày 24-01-2014. Số: 5848/GXN-UBND ngày 25-11-2020.
 - Xử lý chất thải rắn theo đúng quy định của luật bảo vệ môi trường hiện hành. Được cấp Sổ Chủ Nguồn Thải Chất Thải Nguy Hại với mã số Quản Lý Chất Thải Nguy Hại: 86.000032.T ngày 25-12-2014; 86.000033.T ngày 11-07-2014. Hợp đồng với đơn vị đầy đủ chức năng thực hiện thu gom, xử lý đúng theo quy trình. Thực hiện đầy đủ chứng từ về Chất Thải Nguy Hại. Năm 2023 công ty không bị xử phạt về môi trường.
- b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:
- Về chính sách BHXH, BHYT, BHTN: Công ty luôn trích nộp và thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động. Bên cạnh đó, hàng năm vẫn duy trì mua bảo hiểm kết hợp, bảo hiểm sức khoẻ cho người lao động.
 - Sắp xếp, luân chuyển nhân sự nội bộ phù hợp với nhu cầu công việc, năng lực chuyên môn và nhu cầu phát triển bản thân của người lao động. Tinh gọn nhân sự thông qua việc phân công kiêm nhiệm công việc, đảm bảo phúc lợi và tạo cơ hội cho người lao động cũng như tiết giảm chi phí cho Công ty.
 - Duy trì việc hỗ trợ bữa ăn giữa ca cho CB.CNV, với giá trị 20.000đ/1 suất ăn. Tổng chi phí thanh toán cho Nhà cung cấp suất ăn và chi hỗ trợ cho người lao động không sử dụng cơm tại nhà ăn theo quy định của công ty năm 2023 là hơn 4,2 tỷ đồng.
 - Trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị, bảo hộ lao động (kính chống nhiệt), PCCC, đào tạo nội bộ,... đảm bảo người lao động làm việc trong môi trường lành mạnh, an toàn. Đào tạo hội nhập cho 100% người lao động mới, đào tạo kỹ năng và hướng dẫn các quy trình hoạt động, vận hành máy móc thiết bị cho công nhân các Nhà máy. Triển khai phần mềm quản lý nhân sự, trao đổi học tập thêm kinh nghiệm trong công tác quản lý và chuyên môn. Tổng cộng: 3.369 lượt CB.CNV tham dự với 66 chương trình đào tạo bằng cách hình thức E-Learning, đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài nổi bật trong số đó là các chương trình về an toàn lao động, tập huấn nghiệp vụ PCCC, phương pháp kiểm soát stress, quản lý cảm xúc...
 - Điều chỉnh nâng mức đóng BHXH cho người lao động có thâm niên theo mốc 05 năm trở lên: 10 -15 -20 - 25 - 30 năm.
 - Tổ chức 02 đợt đi nghỉ dưỡng, team building (03 ngày 02 đêm) cho CB.CNV, đã tăng thêm sự gắn kết trong nội bộ thông qua các hoạt động vui chơi, trải nghiệm.
- c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty hưởng ứng và tham gia đầy đủ các chính sách xã hội do các cơ quan ban ngành tại địa phương phát động, tích cực hưởng ứng các chương trình vì cộng đồng.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

- Xuyên suốt quá trình sản xuất kinh doanh Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của các cơ quan quản lý, của Cục Quản lý dược, Sở y tế Vĩnh Long...Thực hiện đúng các SOP...do Hội đồng quản trị/Tổng Giám đốc ban hành
- Thực thi tốt công tác bảo vệ môi trường, thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường thông qua báo cáo đánh giá tác động môi trường. Quản lý chặt chẽ hoạt động hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo nước thải đầu ra đạt quy chuẩn về môi trường.

- Hưởng ứng và tham gia đầy đủ các chính sách xã hội do các cơ quan ban ngành tại địa phương phát động, tích cực hưởng ứng các chương trình vì cộng đồng.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Trong năm, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Ban điều hành và các cán bộ quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh đúng theo Nghị quyết Hội đồng quản trị, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, linh hoạt trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, tuân thủ quy định của các cơ quan quản lý Nhà nước, của pháp luật, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Điều lệ Công ty. Tập trung vào các vấn đề sau:

- Cơ cấu danh mục sản phẩm, có các sản phẩm dẫn đầu thị trường;
- Tối ưu hóa hoạt động của các nhà máy để giảm chi phí sản xuất;
- Nghiên cứu & phát triển sản phẩm mới, sản phẩm thử tương đương sinh học;
- Có chiến lược kinh doanh phù hợp; các giải pháp để đạt doanh số kế hoạch;
- Quản lý tài chính hiệu quả, kiểm soát chi phí theo kế hoạch ngân sách được phê duyệt;
- Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, tinh gọn.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

a) Đối với khối ngành Dược phẩm:

- Năm 2024, Công ty khởi động “Dự án nâng cấp Nhà máy Non-betalactam tại Vĩnh Long đạt tiêu chuẩn EU-GMP” và “Dự án nâng cấp Nhà máy Capsules đạt tiêu chuẩn FDA”;
- Định hướng hợp tác với đối tác nước ngoài cho dự án “Sản xuất và kinh doanh thực phẩm chức năng”;
- Với 48 năm đầu tư và phát triển cùng hơn 135 số đăng ký đã được phê duyệt, các sản phẩm thuốc được sản xuất bởi Dược Cửu Long đã và đang mang lại niềm tin cho khách hàng trên thị trường bởi chất lượng và giá cả hợp lý. Ngoài danh mục hiện có, từ năm 2021, DCL đã nhập khẩu sản phẩm thuốc điều trị ung thư BENIVATIB 100 và BENIVATIB 400, đưa sản phẩm ra thị trường. Sản phẩm này đã cung ứng cho các Bệnh viện từ năm 2022 để phục vụ nhu cầu điều trị cho các bệnh nhân, góp phần tăng khả năng lựa chọn thuốc và giảm chi phí điều trị cho người bệnh. Năm 2024 tiếp tục duy trì khả năng cạnh tranh và cung ứng sản phẩm này. Ngoài ra, dự kiến tăng cường hợp tác với các đối tác để phân phối thêm các sản phẩm nhập khẩu, giúp đóng góp thêm doanh thu cho mảng kinh doanh dược phẩm của Công ty.
- Năm 2023 đội ngũ kinh doanh đã nỗ lực tìm kiếm nguồn hàng để đa dạng hoá danh mục sản phẩm DCL - lần đầu tiên DCL đưa nhóm Hàng hoá thương mại (Dược phẩm) vào hoạt động kinh doanh. Điều này giúp DCL tìm hiểu, nắm bắt được nhu cầu thị trường, mở rộng mạng lưới phân phối kênh ETC và cũng đóng góp tỷ trọng lớn trong kinh doanh DCL chiếm 16% năm.
- Dự kiến khởi công xây dựng Nhà máy sản xuất Dược phẩm theo tiêu chuẩn EU-GMP trong Quý 3/2024. Đây là một trong những dự án tiêu biểu của tỉnh Long An với mức tổng vốn đầu tư 1,035 tỷ đồng, với quy mô 50.000 m². Công suất sản xuất thuốc, dược phẩm của nhà máy đạt 1,6 tỷ sản phẩm/năm. Dự án này đang trong giai đoạn cuối của việc đàm phán hợp đồng theo hình thức chìa khóa trao tay.

b) Đối với khối ngành sản xuất dụng cụ y tế:

- Với hơn 20 loại sản phẩm khác nhau đạt chất lượng tốt được tin dùng, có mặt ở hầu hết các bệnh viện lớn, các phòng khám trên cả nước. Ngoài nhà máy đang có, Công ty đã và đang đầu tư thêm 1 nhà máy sản xuất thiết bị y tế với diện tích 10.846,6 m², vốn đầu tư xấp xỉ 15 triệu USD, chia làm 2 giai đoạn, trong đó giai đoạn 1 có công suất 35 triệu sản phẩm/tháng, giai đoạn 2 công suất 20 triệu sản phẩm/tháng tại Vĩnh Long. Nhà máy này theo kế hoạch sẽ hoàn thành và đi vào vận hành trong quý 3/2024, đặt mục tiêu để trở thành doanh nghiệp dược hàng đầu Việt Nam về sản xuất dược phẩm và dụng cụ, trang thiết bị y tế thông qua việc không ngừng nghiên cứu và phát triển các dòng sản phẩm mới, sở hữu hệ thống máy móc tiên tiến, hiện đại.

c) Đối với khối ngành sản xuất viên nang rỗng:

- Nhà máy sản xuất Capsule chuyên sản xuất viên nang rỗng với nhiều chủng loại, kích cỡ, đáp ứng nhu cầu cho ngành dược phẩm và thực phẩm chức năng cung cấp hơn 80% thị phần tại Việt Nam.
- Dược Cửu Long tiếp tục giữ vững vị thế số 1 về thị phần nang rỗng tại Việt Nam. Các nhà máy của Công ty đều được trang bị công nghệ tiên tiến được nhập từ Canada và đang trong tình trạng hoạt động hết công suất để đáp ứng đơn hàng trong và ngoài nước, trước bối cảnh nhu cầu viên nang rỗng (capsule) cho ngành dược phẩm và thực phẩm chức năng đang ngày một tăng cao. Công ty hiện đang đầu tư mở rộng giai đoạn 5 với mức vốn đầu tư 232,5 tỷ đồng, công suất 2,8 tỷ nang/năm để đáp ứng nhu cầu của khách hàng và theo sau là sự tăng trưởng của ngành dược trong nước, dự kiến quý 2/2024 sẽ đi vào hoạt động.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Họ tên	Chức vụ tại công ty	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu DCL cuối kỳ	Chức vụ tại tổ chức khác
1	Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch HĐQT	0	
	Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T		58,05%	CT HĐQT
	Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa		0	CT HĐQT
	Công ty Cổ phần đầu tư JJK Holdings		0	CT HĐQT, TGD
	Công ty TNHH Một thành viên Dược phẩm VPC - Sài Gòn		0	Chủ tịch công ty
	Công ty cổ phần Dược phẩm Benovas		0	CT HĐQT
2	Bùi Hồng Hạnh	TV HĐQT không điều hành	0	
	Công ty CP Vật tư Kỹ Thuật Nông nghiệp Cần Thơ		0	Người được UQ CBTT và Người phụ trách quản trị CT
	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T		0	TV HĐQT
	Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas		0	TV HĐQT
	Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T		58,05%	Người được UQ CBTT và Người phụ trách quản trị CT
	Công Ty Cổ Phần Thuốc Ung Thư Benovas		0	TV HĐQT
3	Nguyễn Ngọc Bích	TV HĐQT không điều hành	0	
	Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa		0	TV HĐQT
4	Nguyễn Ninh Dũng	TV HĐQT	0	

		không điều hành		
	Công Ty Cổ Phần Nước Khoáng Khánh Hòa		0	TV HĐQT
	Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T		58,05%	TV HĐQT
	Công ty Cổ phần đầu tư JJK Holdings		0	TV HĐQT
5	Trương Thị Thu Hạnh	TV HĐQT độc lập	0	
	Văn phòng đại diện AWR Lloyd Limited tại TP. Hồ Chí Minh		0	Người đại diện theo pháp luật

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Các cuộc họp Hội đồng quản trị (sau đây gọi tắt là “HĐQT”) với nội dung trọng tâm triển khai thực hiện những vấn đề đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 thông qua, bổ nhiệm/miễn nhiệm nhân sự chủ chốt, hoạt động sản xuất kinh doanh tháng/quý, định hướng phát triển..., đồng thời thông qua cùng Ban Tổng Giám đốc về chiến lược phát triển sản phẩm mới, chiến lược kinh doanh, đầu tư nâng cao hệ thống sản xuất, thông qua OGSM, ngân sách hoạt động trong năm.
- Để đạt được hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2023, Chủ tịch HĐQT phân công nhiệm vụ đến các thành viên HĐQT. Các thành viên thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, tâm huyết vì sự phát triển của công ty.
- Tuân thủ việc công bố thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu đối với công ty niêm yết đầy đủ và kịp thời. Quan tâm đến lợi ích của cổ đông, cung cấp thông tin cho cổ đông theo quy định.

Các nghị quyết, quyết định của HĐQT:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐQT	24/02/2023	Về việc triệu tập ĐHĐCĐ thường niên 2023	100%
2	Quyết định số 01/2023/QĐ-HĐQT	05/01/2023	Thông qua việc đầu tư xây dựng Kho Dược phẩm và Tòa nhà R&D	100%
3	Quyết định số 02/2023/QĐ-HĐQT	01/03/2023	Thông qua việc bổ nhiệm ông Nghiêm Xuân Trường giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc tài chính kể từ ngày 01/03/2023	100%
4	Quyết định số 03/2023/QĐ-HĐQT	09/01/2023	Về việc xử lý hủy bỏ hàng tồn kho mất phẩm chất	100%
5	Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐQT	06/03/2023	Thông qua việc triển khai phát hành ESOP	100%
6	Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐQT	09/03/2023	Thông qua hợp đồng với bên có liên quan: Công ty CP Dược phẩm Benovas là Công ty con của DCL, Cty CP Dược phẩm Benovas ký hợp đồng mua bán xe ô tô với Cty CP ĐT BĐS F.I.T LAND Hòa Bình	100%
7	Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐQT	29/03/2023	Thông qua việc thôi chức vụ PTGD sản xuất đối với ông Nguyễn Trọng Đức; bổ nhiệm ông Nguyễn Trọng Đức giữ chức vụ Phó TGD PT chuỗi cung ứng, bổ nhiệm bà Trần Khiêm giữ chức vụ Phó TGD sản xuất. Hiệu lực từ ngày 01/04/2023	100%

8	Quyết định số 06/2023/QĐ-HĐQT	13/04/2023	Hợp về việc xóa sổ các khoản nợ phải thu khó đòi phát sinh trước năm 2015 trên báo cáo tài chính của Công ty để trình ĐHCĐTN 2023	100%
9	Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐQT	13/04/2023	Thông qua việc dừng triển khai phát hành ESOP	100%
10	Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐQT	16/05/2023	Thông qua một số nội dung thuộc thẩm quyền	100%
11	Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐQT	18/04/2023	Về việc đầu tư xây dựng nhà công vụ tại Vĩnh Long	100%
12	Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐQT	12/07/2023	Về việc chọn đơn vị kiểm toán năm 2023	100%
13	Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐQT	20/09/2023	Về việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bổ sung ngành nghề kinh doanh - mã ngành 8299	100%
14	Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐQT	20/10/2023	Về việc thôi chức vụ Phó TGĐ PT chuỗi cung ứng và bổ nhiệm chức vụ Phó TGĐ PT khối kinh doanh-tiếp thị - ông Nguyễn Trọng Đức	100%
15	Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐQT	30/12/2023	Về việc vay vốn ngân hàng	100%
16	Quyết định số 08/2023/QĐ-HĐQT	01/12/2023	Về việc thành lập BDA food supplement	100%
17	Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐQT	27/12/2023	Về việc bảo lãnh cho công ty con là Công ty cổ phần Thiết bị y tế Benovas vay vốn	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Thành viên độc lập HĐQT đã thực hiện chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành công ty. Đánh giá của thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của thành viên HĐQT Công ty trong năm 2023 cụ thể như sau:

- HĐQT đã thường xuyên theo dõi, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT; giám sát các hoạt động của Tổng Giám đốc và bộ máy nhân sự.
- HĐQT Công ty định kỳ hàng tháng tổ chức các buổi họp cùng với đại diện lãnh đạo các công ty con để nghe báo cáo đánh giá công tác quản lý tài chính, thực hiện chế độ kiểm toán cũng như quản trị doanh nghiệp tại các công ty con. Từ đó, HĐQT đưa ra các ý kiến và biện pháp xử lý vấn đề phát sinh, các chiến lược kinh doanh kịp thời, áp dụng mức chi phí quản lý doanh nghiệp, doanh thu... nhằm bảo toàn nguồn vốn góp của công ty mẹ, đảm bảo việc hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả tại các công ty con.
- HĐQT duy trì đầy đủ các cuộc họp định kỳ theo quy định và các cuộc họp đột xuất theo yêu cầu công việc. Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức theo đúng quy định; các nghị quyết, quyết định của HĐQT đều nhận được sự thống nhất cao của các thành viên HĐQT và sự đồng thuận rất lớn của người lao động trong toàn Công ty. Đây cũng chính là một trong những nhân tố quan trọng góp phần vào sự phát triển vững chắc của Công ty.
- Các thành viên HĐQT là những người am hiểu các ngành nghề hoạt động và có nhiều kinh nghiệm nên đã đóng góp được nhiều ý kiến xác đáng, mang lại hiệu quả cao cho công tác quản lý Công ty. Bên cạnh đó, HĐQT đã luôn đồng hành cùng Ban điều hành trong việc xử lý các vấn đề khó khăn trong hoạt động của Công ty.
- HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát theo dõi sát sao, nhằm đảm bảo an toàn hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty; đồng thời đảm bảo sự tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật và của Điều lệ Công ty.
- Xét tổng quan, HĐQT Công ty đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như các quy định của pháp luật, hướng tới mục tiêu cao nhất là đem lại giá trị, lợi ích cho cổ đông

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong

năm: Không có.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu DCL cuối kỳ
1	Bà Phan Thị Hòa	Trưởng BKS	0
2	Bà Phạm Thị Huệ	TV BKS	0
3	Bà Lê Thị Thương	TV BKS	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát (sau đây gọi “BKS”):

- BKS tham dự phần lớn các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng của Công Ty. BKS thực hiện giám sát công tác quản trị doanh nghiệp của HĐQT, Ban điều hành đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Công Ty và quy chế quản trị nội bộ của Công Ty. BKS giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung đã được ĐHCĐ thường niên 2023 thông qua. Trong năm 2023, BKS đã tổ chức và họp thành công 03 cuộc họp để thảo luận và thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền như sau :

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Bà Phan Thị Hòa	03/03	100%	100%
2	Bà Phạm Thị Huệ	03/03	100%	100%
3	Bà Lê Thị Thương	03/03	100%	100%

- BKS kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực trong quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán, báo cáo tài chính tháng, quý, năm; giám sát việc chấp hành các văn bản chính sách của nhà nước, quy trình quy chế và các quy định nội bộ của Công Ty; giám sát việc ban hành, sửa đổi, bổ sung quy trình, quy chế của Công Ty; giám sát hoạt động công bố thông tin kịp thời và đầy đủ theo quy định.
- BKS giám sát công tác quản lý sổ sách chứng từ liên quan đến cổ đông, đảm bảo các quyền lợi hợp pháp của cổ đông; đồng thời giám sát việc cổ đông được tham gia đóng góp ý kiến, chất vấn, yêu cầu cung cấp thông tin theo đúng quy định.
- Việc phối hợp giữa BKS với HĐQT, Ban Giám đốc (sau đây gọi tắt là “BGĐ”) được thực hiện hiệu quả. BKS đã được HĐQT và BGĐ tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ. Các phòng ban trong Công Ty đã tích cực phối hợp, cung cấp đầy đủ tài liệu theo yêu cầu của BKS.
- Bên cạnh các hoạt động kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát còn thực hiện các công việc sau:
 - + Tham gia đóng góp ý kiến với HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong công tác điều hành, thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu kinh doanh của Công Ty.
 - + Phân tích, đánh giá độc lập hoạt động kinh doanh của Công Ty; trên cơ sở đó đưa ra các ý kiến, khuyến nghị kịp thời, các biện pháp chấn chỉnh, khắc phục sai phạm, hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh.
 - + Phối hợp, chỉ đạo bộ phận kiểm soát nội bộ thực hiện kiểm tra, kiểm soát định kỳ và đột xuất các hoạt động nghiệp vụ tại Công Ty.
 - + Hỗ trợ và cho ý kiến chuẩn hóa hệ thống báo cáo quản trị nội bộ, hệ thống quy trình, quy chế của Công Ty.
 - + Tham gia giám sát, phản biện các dự án đầu tư của Công Ty.
 - + Đóng góp ý kiến xây dựng, hoàn thiện kế hoạch kinh doanh 2023 và các mục tiêu hoạt động khác của Công Ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập 12 tháng năm 2023
1	Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch HĐQT	60.000.000
2	Ông Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên HĐQT	48.000.000
3	Bà Bùi Hồng Hạnh	Thành viên HĐQT	48.000.000
4	Ông Nguyễn Ninh Dũng	Thành viên HĐQT	48.000.000
5	Bà Trương Thị Thu Hạnh	Thành viên HĐQT	48.000.000
6	Bà Phan Thị Hòa	Trưởng BKS	36.000.000
7	Bà Lê Thị Thương	Thành viên BKS	24.000.000
8	Bà Phạm Thị Huệ	Thành viên BKS	24.000.000
9	Ông Lương Trọng Hải	Tổng Giám Đốc	796.826.918
10	Ông Nghiêm Xuân Trường	Phó Tổng giám đốc	962.150.747
11	Bà Trần Khiêm	Phó Tổng giám đốc	310.302.688
12	Ông Nguyễn Trọng Đức	Phó Tổng giám đốc	128.574.582
	Tổng cộng:		2.533.854.935

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
Bùi Hồng Hạnh - TV HĐQT		200.000	0,27%	0	0	Bán ngày 12/01/2023

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: không phát sinh.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty thực hiện đúng các quy định theo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, nâng cao vai trò quản trị thông qua việc cập nhật các Nghị định, Thông tư, Hướng dẫn mới...

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C tại Hà Nội, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long và các công ty con tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính hợp nhất 2023 đã kiểm toán được đính kèm theo báo cáo này. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán được công bố trên cổng thông tin điện tử của HOSE, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và website công ty: <http://dcl.com.vn>.

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Lưu: VT.

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lương Trọng Hải

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM CỬU LONG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	12 - 42



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (sau đây gọi tắt là “Công ty” hoặc “Công ty mẹ”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”).

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Công ty Dược và Vật tư y tế Cửu Long, theo quyết định số 2314/QĐ-UB ngày 09 tháng 8 năm 2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 1500202535 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 11 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp và thay đổi lần thứ 24 ngày 05 tháng 9 năm 2022 do thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DCL.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
- Điện thoại : 0270.382.2533
- Fax : 0270.382.2129

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ là sản xuất thuốc, hóa chất và dược liệu; Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Ông Nguyễn Ninh Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Bùi Hồng Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Trương Thị Thu Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Phan Thị Hòa	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Phạm Thị Huệ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Lê Thị Thương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lương Trọng Hải	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2022
Ông Nguyễn Trọng Đức	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2020
Ông Nghiêm Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2023
Bà Trần Khiêm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2023
Bà Nguyễn Lâm Minh Thương	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2022

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Sang - Chủ tịch (tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022) và Ông Lương Trọng Hải – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2022).

Ông Lương Trọng Hải đã ủy quyền cho Ông Nghiêm Xuân Trường – Phó Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy ủy quyền số 22/HĐUQ.DCL ngày 17 tháng 4 năm 2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Nhóm Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Phó Tổng Giám đốc



Nghiêm Xuân Trường

Ngày 23 tháng 3 năm 2024

002
CỔ
PH
C
C
V

15-0
H
G
M
V
&C
I
-TP

Số: 2.0236/24/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con, được lập ngày 23 tháng 3 năm 2024, từ trang 05 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2024

Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4028-2022-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.403.123.810.398	1.422.244.637.211
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	23.517.073.130	52.851.714.658
1. Tiền	111		23.517.073.130	52.851.714.658
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		204.149.000.000	248.495.032.420
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	94.795.000.000	94.795.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	109.354.000.000	153.700.032.420
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		773.475.425.492	776.382.287.481
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	293.213.041.302	251.993.652.048
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	67.231.442.528	104.790.547.920
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	439.695.871.017	477.303.701.054
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(26.664.929.355)	(57.705.613.541)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	365.030.884.166	315.080.042.466
1. Hàng tồn kho	141		372.582.036.510	320.243.529.424
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.551.152.344)	(5.163.486.958)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		36.951.427.610	29.435.560.186
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2.521.573.943	1.708.716.212
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		34.107.259.165	27.406.747.819
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	322.594.502	320.096.155
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		874.335.875.790	683.078.250.292
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.501.500.000	854.500.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	3.501.500.000	854.500.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		440.905.343.245	464.221.264.140
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	399.507.093.555	422.618.292.933
<i>Nguyên giá</i>	222		884.156.406.470	875.022.166.872
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(484.649.312.915)	(452.403.873.939)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	18.082.442.189	20.619.306.398
<i>Nguyên giá</i>	225		22.876.854.258	20.968.786.167
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(4.794.412.069)	(349.479.769)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	23.315.807.501	20.983.664.809
<i>Nguyên giá</i>	228		25.021.945.329	22.373.057.579
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.706.137.828)	(1.389.392.770)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	416.778.812.931	206.221.867.728
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		416.778.812.931	206.221.867.728
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		13.150.219.614	11.780.618.424
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	8.268.723.754	5.848.614.934
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	4.881.495.860	5.932.003.490
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.277.459.686.188	2.105.322.887.503

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		826.667.957.660	713.665.523.351
I. Nợ ngắn hạn	310		618.074.636.805	554.067.518.856
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	66.128.529.089	36.751.259.995
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	4.588.716.452	2.768.486.946
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	15.843.297.284	14.061.349.039
4. Phải trả người lao động	314		17.202.486.702	19.278.768.561
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	22.831.616.506	27.177.368.411
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	64.463.311.933	96.453.185.045
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	422.136.653.386	353.993.645.306
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	4.880.025.453	3.583.455.553
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		208.593.320.855	159.598.004.495
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	208.593.320.855	159.598.004.495
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.450.791.728.528	1.391.657.364.152
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	1.450.791.728.528	1.391.657.364.152
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		730.410.300.000	730.410.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		730.410.300.000	730.410.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		220.358.863.743	220.358.863.743
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		481.560.938.392	422.843.538.261
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		419.843.538.261	422.843.538.261
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		61.717.400.131	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		20.166.850	20.166.850
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		18.441.459.543	18.024.495.298
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.277.459.686.188	2.105.322.887.503

Người lập biểu

Nguyễn Lâm Minh Thương

Kế toán trưởng

Nguyễn Lâm Minh Thương

Lập, ngày 23 tháng 3 năm 2024

Phó Tổng Giám đốc



Nghiêm Xuân Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.170.473.131.362	1.036.161.984.911		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		26.526.831.118	20.476.472.153		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.143.946.300.244	1.015.685.512.758		
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	934.032.409.930	733.585.167.845		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		209.913.890.314	282.100.344.913		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	40.015.732.912	52.991.799.386		
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	33.583.940.979	39.829.651.630		
Trong đó: chi phí lãi vay	23		29.170.083.104	36.283.010.813		
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-		
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	87.867.999.033	104.006.556.577		
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	51.320.009.991	49.808.561.587		
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		77.157.673.223	141.447.374.505		
12. Thu nhập khác	31		1.029.588.506	864.602.475		
13. Chi phí khác	32		76.571.439	770.411.609		
14. Lợi nhuận khác	40		953.017.067	94.190.866		
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		78.110.690.290	141.541.565.371		
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	14.925.818.284	32.138.445.139		
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		1.050.507.630	(3.510.842.301)		
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		62.134.364.376	112.913.962.533		
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		61.717.400.131	111.640.895.900		
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		416.964.245	1.273.066.633		
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	845	1.548		
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	845	1.548		

Người lập biểu

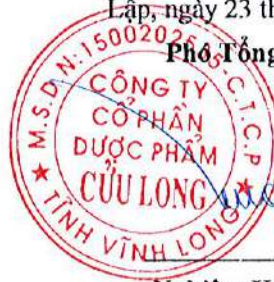
Nguyễn Lâm Minh Thương

Kế toán trưởng

Nguyễn Lâm Minh Thương

Lập, ngày 23 tháng 3 năm 2024

Phó Tổng Giám đốc



Nghiêm Xuân Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	78.110.690.290	141.541.565.371
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02 V.9,10,11	38.278.183.559	38.134.506.674
- Các khoản dự phòng	03	3.793.953.288	4.279.383.925
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04 VI.4	(6.251.088)	64.668.538
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.883.975.275)	(25.617.401.269)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	29.170.083.104	36.283.010.813
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	140.462.683.878	194.685.734.052
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(14.708.913.328)	(384.124.156.721)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(55.032.599.157)	(9.758.381.795)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(1.478.576.466)	(161.825.512.036)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(3.232.966.551)	(1.001.081.200)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	(24.525.000.000)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(29.199.385.488)	(35.990.911.014)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.15	(12.576.402.749)	(25.261.012.816)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.20	(1.703.430.100)	(2.270.694.089)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	22.530.410.039	(450.071.015.619)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(222.873.559.023)	(233.028.447.600)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	370.636.365	250.122.278
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(98.699.945.205)	(179.700.032.420)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	143.045.977.625	472.623.100.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.150.926.395	33.032.025.081
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(169.005.963.843)	93.176.767.339

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-		355.205.150.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	973.671.615.366		1.218.897.859.353
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(844.212.595.166)		(1.205.603.314.109)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.19	(12.320.695.760)		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		117.138.324.440		368.499.695.244
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(29.337.229.364)		11.605.446.964
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	52.851.714.658		41.255.262.412
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.587.836		(8.994.718)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	23.517.073.130		52.851.714.658

Người lập biểu

Nguyễn Lâm Minh Thương

Kế toán trưởng

Nguyễn Lâm Minh Thương

Lập, ngày 23 tháng 3 năm 2024

Phó Tổng Giám đốc



Nghiêm Xuân Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (sau đây gọi tắt là “Công ty” hoặc “Công ty mẹ”) là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của sản xuất thuốc, hóa chất và dược liệu.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất thuốc, hóa chất và dược liệu.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty mẹ không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và 5 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty liên doanh Sản xuất kinh doanh XNK Dược phẩm và Trang thiết bị y tế	Số 11, đường Lanexang, bản Hatsady, quận Chanthabory, Lào	Giới thiệu thuốc	51%	51%	51%	51%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn	Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	Kinh doanh dược phẩm và dụng cụ y tế	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	Số 276 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dược phẩm, capsule các loại	99,98%	99,93%	99,98%	99,93%
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas	Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	Sản xuất kinh doanh dụng cụ, trang thiết bị y tế	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Thuốc ung thư Benovas	Tầng 5, tòa nhà HACCI Complex tại lô 2.6, No đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Sản xuất thuốc, hóa liệu và dược liệu	84%	84%	84%	84%

Tình hình hoạt động của các công ty con

- Công ty Liên doanh Sản xuất kinh doanh, Xuất nhập khẩu Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế đang tạm ngưng hoạt động từ năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn: Công ty chưa phát sinh doanh thu. Hoạt động chính trong năm là đầu tư tài chính bao gồm đầu tư cổ phiếu các công ty chưa niêm yết, góp vốn, hợp đồng hợp tác đầu tư.
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas: Hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước
- Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Benovas: Hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng nhà xưởng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh
- Công ty Cổ phần Thuốc Ung thư Benovas: Công ty chưa phát sinh doanh thu. Hoạt động chính trong năm đầu tư tài chính (đầu tư các cổ phiếu chưa niêm yết và hợp đồng hợp tác kinh doanh)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, có 930 nhân viên đang làm việc tại Nhóm Công ty (số đầu năm là 931 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các Công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và Công ty con, giữa các Công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của Công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Nhóm Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Nhóm Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh của Công ty là chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Đối với cổ phiếu không niêm yết, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của Công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Nhóm Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp đích danh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi và các hợp đồng hợp tác đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nhằm mục đích hưởng lợi nhuận vào thời điểm đáo hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Nhóm Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, mức trích lập căn cứ cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Nhóm Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm, chi phí khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 40
Máy móc và thiết bị	02 - 25
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Tài sản cố định thuê tài chính là máy móc thiết bị có thời gian khấu hao là 5 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 7 -10 năm.

Bản sắc thương hiệu

Bản sắc thương hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Nhóm Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Nhóm Công ty đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Nhóm Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Nhóm Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư,

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty và Công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỨU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	166.972.007	34.905.135
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.350.101.123	52.816.809.523
Cộng	23.517.073.130	52.851.714.658

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam	32.500.000.000	-	32.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Trí Việt	17.025.000.000	-	17.025.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng	34.770.000.000	-	34.770.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại SJ	5.250.000.000	-	5.250.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư KVN Việt Nam	5.250.000.000	-	5.250.000.000	-
Cộng	94.795.000.000	-	94.795.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỨU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số lượng cổ phiếu và tỷ lệ nắm giữ của Nhóm Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam	2.500.000	9,62%	2.500.000	9,62%
Công ty Cổ phần Đầu tư Trí Việt	1.135.000	7,57%	1.135.000	7,57%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng	2.318.000	19%	2.318.000	19%
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại SJ	500.000	10%	500.000	10%
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư KVN Việt Nam	500.000	10%	500.000	10%

Đối với các chứng khoán chưa đăng ký giao dịch trên thị trường. Nhóm Công ty không đánh giá giá trị hợp lý và trích lập dự phòng do không có đủ thông tin.

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	109.354.000.000	139.700.032.420
Chứng chỉ tiền gửi	-	14.000.000.000
Cộng	109.354.000.000	153.700.032.420

(i) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại, với lãi suất từ 4,5% đến 8,0%/năm.

Toàn bộ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn đang được cầm cố thế chấp đảm bảo cho nghĩa vụ vay ngân hàng (xem thuyết minh V.19).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	9.888.476.325	7.337.349.075
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	9.888.476.325	7.337.349.075
Phải thu các khách hàng khác	283.324.564.977	244.656.302.973
Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Sơn	-	16.428.897.499
Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	11.816.108.745	14.778.235.395
Công ty Cổ phần dược phẩm Sagophar	26.259.081.099	-
Công ty TNHH Dược phẩm và Thương mại Đức Hà	26.082.592.238	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Golden Life	16.593.394.120	-
Bệnh viện Truyền máu Huyết học	15.572.439.000	14.169.174.600
Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm	4.807.065.960	9.234.817.560
Các khách hàng khác	182.193.883.815	178.924.783.519
Cộng	293.213.041.302	251.993.652.048

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	9.982.165.208	19.660.806.813
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	9.982.165.208	19.660.806.813
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	57.249.277.320	85.129.741.107
Growena Impex Company	-	9.992.687.271
Công ty cổ phần Confitech Cửu Long	7.250.000.000	9.250.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam	-	35.076.789.032
Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa	27.202.110.644	177.276.000
Trenwell Services LLC	5.885.000.000	-
Công ty TNHH Akums Drugs And Pharmaceuticals	2.509.226.940	11.481.898.135
Các nhà cung cấp khác	14.402.939.736	19.151.090.669
Cộng	67.231.442.528	104.790.547.920

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	46.855.845.754	-	9.040.710.137	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	-	-	8.853.710.137	-
<i>Gốc</i>	-	-	8.700.000.000	-
<i>Lãi</i>	-	-	153.710.137	-
Công ty Cổ phần đầu tư Bất Động Sản F.I.T	46.765.845.754	-	-	-
<i>Gốc</i>	45.100.000.000	-	-	-
<i>Lãi</i>	1.665.845.754	-	-	-
Ông Nguyễn Trọng Đức - Phó Tổng Giám đốc - Tạm ứng	40.000.000	-	100.000.000	-
Ông Lương Trọng Hải – Tổng Giám đốc - Tạm ứng	50.000.000	-	50.000.000	-
Ông Nghiêm Xuân Trường - Phó Tổng Giám đốc - Tạm ứng	-	-	37.000.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	392.840.025.263	(5.067.557.725)	468.262.990.917	(5.067.557.725)
Công ty Cổ phần Đầu tư Trí Việt ⁽¹⁾	96.190.453.423	-	117.006.919.520	-
<i>Gốc</i>	92.165.000.000	-	111.165.000.000	-
<i>Lãi</i>	4.025.453.423	-	5.841.919.520	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và	5.019.080.000	-	82.972.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Thương mại Trồng đồng ⁽ⁱ⁾				
<i>Gốc</i>	4.840.000.000		80.000.000.000	
<i>Lãi</i>	179.080.000		2.972.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hoa Sen Việt Nam ⁽ⁱ⁾	105.876.234.683		80.602.328.767	
<i>Gốc</i>	100.380.000.000		78.800.000.000	
<i>Lãi</i>	5.496.234.683		1.802.328.767	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Phó Hiến Việt Nam ⁽ⁱ⁾	164.229.366.420		171.445.895.183	
<i>Gốc</i>	159.420.000.000		165.420.000.000	
<i>Lãi</i>	4.809.366.420		6.025.895.183	
Phải thu về cổ phần hóa	5.600.000		5.600.000	
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.976.647.178		4.614.234.663	
Ký cược, ký quỹ	257.802.596		257.956.729	
Tạm ứng	3.791.915.748	(689.833.740)	3.304.616.853	(689.833.740)
Thuế GTGT của tài sản thuế tài chính	6.368.458.176		1.325.925.926	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	7.124.467.039	(4.377.723.985)	6.727.513.276	(4.377.723.985)
Cộng	439.695.871.017	(5.067.557.725)	477.303.701.054	(5.067.557.725)

⁽ⁱ⁾ Các hợp đồng hợp tác đầu tư có thời hạn hợp tác từ 6 tháng đến 12 tháng, để đầu tư các dự án bất động sản, tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất hình thành từ các dự án hợp tác đầu tư, Nhóm Công ty được hưởng lợi nhuận tối thiểu từ 5,7%-9,2%/năm (lợi nhuận tối thiểu năm trước 7,1%-9%/năm). Từ sau ngày kết thúc năm tài chính đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã thu hồi thêm gốc và lợi nhuận phát sinh liên quan đến số dư tại ngày 31/12/2023 của các Hợp đồng hợp tác đầu tư với số tiền lần lượt là 700.000.000 VND và 0 VND.

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

6. Nợ xấu

	Giá gốc		Dự phòng	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu tiền bán hàng	24.571.053.622	(21.034.982.703)	67.433.440.417	(52.075.666.889)
<i>Công ty TNHH Dược Phẩm Thiên Sơn</i>	-	-	16.428.897.499	(16.428.897.499)
<i>Công ty TNHH Dược Phẩm Hải Tâm</i>	-	-	4.976.554.629	(4.976.554.629)
<i>MEDICAL SUPPLY Pharm Enterprise</i>	-	-	3.303.752.851	(3.303.752.851)
<i>Các khách hàng khác</i>	24.571.053.622	(21.034.982.703)	42.724.235.438	(27.366.461.910)
Phải thu các khoản chi hộ	3.717.599.787	(3.717.599.787)	3.717.599.787	(3.717.599.787)
Phải thu tiền tạm ứng	631.890.415	(631.890.415)	631.890.415	(631.890.415)
Ứng trước cho người bán	562.388.927	(562.388.927)	562.388.927	(562.388.927)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	718.067.523	(718.067.523)	718.067.523	(718.067.523)
Cộng	30.201.000.274	(26.664.929.355)	73.063.387.069	(57.705.613.541)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	57.705.613.541	56.301.055.640
Trích lập dự phòng	3.685.975.758	5.671.531.151
Hoàn nhập dự phòng	(4.973.779.927)	(4.266.973.250)
Giảm khác (Xóa nợ)	(29.752.880.017)	-
Số cuối năm	26.664.929.355	57.705.613.541

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	15.964.044.637	-	2.143.051.886	-
Nguyên liệu, vật liệu	158.471.475.078	(2.232.934.713)	142.461.007.278	(1.846.273.303)
Công cụ, dụng cụ	11.024.248.117	-	10.543.390.280	-
Thành phẩm	141.394.542.679	(3.880.309.519)	158.753.994.513	(3.213.415.907)
Hàng hóa	45.727.725.999	(1.437.908.112)	6.342.085.467	(103.797.748)
Cộng	372.582.036.510	(7.551.152.344)	320.243.529.424	(5.163.486.958)

Một số nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho cuối năm có giá trị ghi sổ là 249.733.695.420 VND (số đầu năm là 60.000.000.000 VND) đã được dùng thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

Tình hình biến động dự phòng hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.163.486.958	2.288.660.934
Trích lập dự phòng bổ sung	5.081.757.457	2.874.826.024
Giảm khác (hủy hàng)	(2.694.092.071)	-
Số cuối năm	7.551.152.344	5.163.486.958

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	1.433.153.991	849.870.361
Chi phí bảo hiểm	603.971.200	439.107.303
Chi phí phần mềm	313.640.831	294.406.817
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	170.807.921	125.331.731
Cộng	2.521.573.943	1.708.716.212

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	3.802.095.771	2.794.962.047
Các chi phí trả trước dài hạn khác	4.466.627.983	3.053.652.887
Cộng	8.268.723.754	5.848.614.934

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	181.452.137.329	651.105.604.643	39.979.772.129	2.484.652.771	875.022.166.872
Mua trong năm	-	9.313.311.732	1.091.995.091	-	10.405.306.823
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.271.067.225)	-	(1.271.067.225)
Số cuối năm	181.452.137.329	660.418.916.375	39.800.699.995	2.484.652.771	884.156.406.470
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	11.358.249.467	209.137.585.947	9.235.279.721	1.865.714.862	231.596.829.997
Chờ thanh lý	-	37.684.875.564	-	197.427.000	37.882.302.564
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	57.492.074.304	372.697.524.708	20.023.123.074	2.191.151.853	452.403.873.939
Khấu hao trong năm	7.160.899.476	23.053.726.850	3.170.098.396	131.781.479	33.516.506.201
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.271.067.225)	-	(1.271.067.225)
Số cuối năm	64.652.973.780	395.751.251.558	21.922.154.245	2.322.933.332	484.649.312.915
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	123.960.063.025	278.408.079.935	19.956.649.055	293.500.918	422.618.292.933
Số cuối năm	116.799.163.549	264.667.664.817	17.878.545.750	161.719.439	399.507.093.555
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 279.206.092.979 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng (xem thuyết minh V.19)

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Là máy móc thiết bị. Chi tiết như sau

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	20.968.786.167	349.479.769	20.619.306.398
Thuê tài chính trong năm	1.908.068.091	-	1.908.068.091
Khấu hao trong năm	-	4.444.932.300	(4.444.932.300)
Số cuối năm	22.876.854.258	4.794.412.069	18.082.442.189

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chi phí phần mềm	Bản sắc thương hiệu (*)	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	19.636.907.129	1.747.470.450	988.680.000	22.373.057.579
Mua sắm trong năm	-	2.648.887.750	-	2.648.887.750
Số cuối năm	19.636.907.129	4.396.358.200	988.680.000	25.021.945.329
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	569.916.700	569.916.700	569.916.700
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	36.489.517	1.026.089.043	326.814.210	1.389.392.770
Khấu hao trong năm	-	267.311.058	49.434.000	316.745.058
Số cuối năm	36.489.517	1.293.400.101	376.248.210	1.706.137.828
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	19.600.417.612	721.381.407	661.865.790	20.983.664.809
Số cuối năm	19.600.417.612	3.102.958.099	612.431.790	23.315.807.501
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

(*) Là bản sắc thương hiệu Dược Cửu Long.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	2.718.900.000	10.331.803.601	(11.962.199.482)	-	1.088.504.119
Xây dựng cơ bản dở dang	203.502.967.728	212.308.708.084	-	(121.367.000)	415.690.308.812
Công trình Nhà máy Vikimco ⁽ⁱ⁾	40.188.809.795	43.411.287.569	-	(121.367.000)	83.478.730.364
Chi phí đăng ký hồ sơ sản phẩm thuốc ung thư	4.790.945.000	-	-	-	4.790.945.000
Công trình Nhà máy tại Long An ⁽ⁱⁱ⁾	158.335.290.932	18.596.203.735	-	-	176.931.494.667
Dự án dây chuyền Capsule 5 ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	133.711.474.969	-	-	133.711.474.969
Dự án xây dựng Tổng kho và tòa nhà RD	187.922.001	16.589.741.811	-	-	16.777.663.812
Cộng	206.221.867.728	222.640.511.685	(11.962.199.482)	(121.367.000)	416.778.812.931

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỨU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Công trình nhà máy Vikimco theo Giấy chứng nhận đầu tư số 2651067820 của Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Long ngày 12 tháng 8 năm 2020 mục đích để sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế với tổng vốn đầu tư 373,9 tỷ VND.
- (ii) Công trình nhà máy tại Long An theo Giấy chứng nhận đầu tư số 6037037488 của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Long An ngày 30 tháng 6 năm 2022 mục đích để sản xuất thuốc, dược phẩm và vật tư y tế với tổng vốn đầu tư 1.035 tỷ VND. Dự kiến thời hạn hoàn thành tháng 1/2025.
- (iii) Dự án dây chuyền Capsule giai đoạn 5 với mục đích đầu tư mở rộng sản xuất viên nang rỗng, làm tăng công suất sản xuất cho nhà máy với tổng vốn đầu tư là 232.4 tỷ đồng. Dự kiến thời hạn hoàn thành tháng 03/2024.

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm tại Công trình nhà máy Tại Long An và Dự án dây chuyền Capsule 5 là 15.094.476.009 VND.

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (chi phí phải trả). Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.932.003.490	2.421.161.189
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(1.050.507.630)	3.510.842.301
Số cuối năm	4.881.495.860	5.932.003.490

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (năm trước thuế suất là 20%).

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	6.852.833.498	8.595.395.589
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	6.846.219.493	8.595.395.589
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	6.614.005	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	59.275.695.591	28.155.864.406
Công ty TNHH Centrient Pharmaceuticals India PVT	-	5.315.520.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Amigo Việt Nam	18.882.804.845	-
Tổng Công ty IDICO - CTCP	8.893.500.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học và Dược phẩm Bách Việt	5.222.495.518	-
Công ty TNHH Bao bì Đông Âu	3.688.573.863	3.024.975.780
Các nhà cung cấp khác	22.588.321.365	19.815.368.626
Cộng	66.128.529.089	36.751.259.995

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	4.588.716.452	2.768.486.946
Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Thành Đạt	-	125.397.719
Công ty TNHH BANO FOOD	286.174.873	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sagophar	1.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Goldenlife	1.100.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dược Thuận Gia	-	1.324.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Mạnh Toàn	-	162.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư Phát triển Y tế Hà Nội	-	300.000.000
Công ty TNHH Dược phẩm Hiền Mai	-	71.268.750
Các khách hàng khác	1.702.541.579	785.820.477
Cộng	4.588.716.452	2.768.486.946

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

16a. Phải thu

	Số đầu năm	Số đã bù trừ trong năm	Số phải thu trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	270.048.155	270.049.155	248.642.067	248.641.067
Thuế xuất, nhập khẩu	25.142.793	1.315.186.131	1.338.791.566	48.748.228
Thuế thu nhập cá nhân	24.905.207	-	300.000	25.205.207
Cộng	320.096.155	1.585.235.286	1.587.733.633	322.594.502

16b. Phải nộp

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.192.348.155	2.609.944.519	3.133.985.910	668.306.764
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	20.313.716.343	20.313.716.343	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.558.423.103	14.925.818.284	12.576.402.749	14.907.838.638
Thuế thu nhập cá nhân	310.577.781	3.563.695.524	3.607.121.423	267.151.882
Thuế nhà đất	-	1.372.498.155	1.372.498.155	-
Các loại thuế khác	-	815.594.054	815.594.054	-
Cộng	14.061.349.039	43.601.266.879	41.819.318.634	15.843.297.284

Thuế giá trị gia tăng

Công ty và Công ty con nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thuế GTGT cho mặt hàng dược phẩm, dụng cụ y tế 5%
- Thuế GTGT cho mặt hàng khác 8 - 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty và Công ty con được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phải trả các bên liên quan	8.638.356	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động Sản F.I.T - Chi phí lãi hợp tác kinh doanh	8.638.356	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	22.822.978.150	27.177.368.411
Chi phí lãi vay phải trả	619.810.557	649.112.941
Chi phí hỗ trợ bán hàng	16.468.320.003	20.268.803.801
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	5.734.847.590	6.259.451.669
Cộng	22.831.616.506	27.177.368.411

18. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	4.306.090.012	36.542.540.386
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T - Các khoản chi hộ	1.168.917.407	1.336.003.400
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	3.137.172.605	25.182.558.904
Gốc hợp tác đầu tư	3.000.000.000	25.000.000.000
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	137.172.605	182.558.904
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động Sản F.I.T	-	10.023.978.082
Gốc hợp tác đầu tư	-	9.925.000.000
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	-	98.978.082
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	60.157.221.921	59.910.644.659
Tài sản thừa chờ giải quyết	172.739.856	172.739.856
Kinh phí công đoàn	592.926.883	442.463.221
Phải trả về bản án sơ thẩm ⁽ⁱ⁾	58.431.883.500	58.431.883.500
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	83.802.660	83.802.660
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	875.869.022	779.755.422
Cộng	64.463.311.933	96.453.185.045

(i) Theo Bản án sơ thẩm số 482/2022/HSST ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội, do hành vi phạm tội của các cá nhân (là các cựu Lãnh đạo Công ty trong giai đoạn 2006-2008) làm thiệt hại cho Bộ Y tế 3.848.000 USD tương đương với 61.692.238.500 VND, trong đó, các cá nhân đã nộp tiền khắc phục 3.260.355.000 VND, Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long phải bồi thường cho Bộ Y tế số tiền 58.431.883.500 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Vay và nợ thuê tài chính

19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	349.732.285.742	288.007.791.419
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long.	44.822.032.431	11.475.805.265
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	123.735.807.862	96.115.853.240
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Cần Thơ	99.071.998.935	99.667.119.050
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	-	38.149.017.722
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hà Nội	-	(3.858)
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	82.102.446.514	-
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân	-	42.600.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	51.646.084.004	62.405.773.887
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	18.000.000.000	31.980.773.883
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	30.425.000.004	30.425.000.004
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	3.221.084.000	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (xem thuyết minh số V.19b)	20.758.283.640	3.580.080.000
Hợp đồng số 02.086/2022/TSC-CTTC	3.580.080.000	3.580.080.000
Hợp đồng số 02.001/2023/TSC-CTTC	16.831.200.000	-
Hợp đồng số 24/2023/CN.MN-CTTC	347.003.640	-
Cộng	422.136.653.386	353.993.645.306

(*) Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Hạn mức	Thời hạn	Lãi suất(năm)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱ⁾	50 tỷ VND	không quá 12 tháng	5 - 6,5%
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱⁱ⁾	150 tỷ VND	không quá 06 tháng	4,8 - 6,4%
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱⁱⁱ⁾	100 tỷ VND	không quá 06 tháng	6,3% - 6,69%
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An ^(iv)	200 tỷ VND	không quá 12 tháng	6 - 7,1%

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỨU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Tài sản thế chấp là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (Xem Thuyết minh V.2a).
- (ii) Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản bao gồm công trình xây dựng và máy móc thiết bị được xác định hình thành trong tương lai từ dự án Capsule 3, thế chấp tiền gửi có kỳ hạn, thế chấp tài sản là toàn bộ MMTB hình thành trong tương lai phát sinh từ dự án đầu tư mở rộng Nhà máy Capsule giai đoạn 4, thế chấp tài sản là hàng tồn kho luân chuyển của khách hàng với giá trị 30 tỷ đồng.
- (iii) Tài sản thế chấp là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và hàng tồn kho.
- (iv) Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, hợp đồng thế chấp hàng hóa, thế chấp tài sản.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	288.007.791.419	62.405.773.887	3.580.080.000	353.993.645.306
Số tiền vay phát sinh	843.531.315.602	-	-	843.531.315.602
Kết chuyển từ vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	51.646.084.004	20.758.283.640	72.404.367.644
Số tiền vay đã trả	(781.806.821.279)	(62.405.773.887)	(3.580.080.000)	(847.792.675.166)
Số cuối năm	349.732.285.742	51.646.084.004	20.758.283.640	422.136.653.386

19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	109.737.420.255	145.278.084.495
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱ⁾	52.264.825.167	70.264.825.167
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An ⁽ⁱⁱ⁾	44.588.259.324	75.013.259.328
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱⁱⁱ⁾	12.884.335.764	-
Nợ thuê tài chính Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ^(iv)	98.855.900.600	14.319.920.000
Hợp đồng số 02.086/2022/TSC-CTTC	10.739.840.000	14.319.920.000
Hợp đồng số 02.001/2023/TSC-CTTC	86.959.400.000	-
Hợp đồng số 24/2023/CN.MN-CTTC	1.156.660.600	-
Cộng	208.593.320.855	159.598.004.495

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long theo hợp đồng số 03/HĐĐTDA-VLO.KH ngày 29 tháng 01 năm 2021 với mục đích thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện Dự án "đầu tư Nhà máy sản xuất Capsule - Giai đoạn 4" tại số 21B, Phan Đình Phùng, Phường 8, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long do Công ty Cổ phần Dược phẩm Cứu Long làm chủ đầu tư; hạn mức là 140.000.000.000 VND, nhưng tối đa không vượt quá 70% tổng mức đầu tư của Dự án không bao gồm VAT, thời hạn vay tối đa là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ; thời hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho vay cụ thể sẽ được quy định trong từng văn bản nhận nợ, lãi suất cho vay cố định quy định tại văn bản nhận nợ. Khoản vay được thế chấp là toàn bộ tài sản bao gồm công trình xây dựng và máy móc thiết bị hình thành trong tương lai từ dự án Capsule 3 theo các Hợp đồng thế chấp từ số 200-201/HĐTC-VLO.KH ngày 03/07/2017 và Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 03/HĐTC-VLO.KH ngày 29/01/2021.

- (ii) Khoản vay trung và dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An theo hợp đồng số 08/HĐCVTL/NHCT320-DUOCCL ngày 08 tháng 08 năm 2022 với mục đích thanh toán chi phí thuê đất tại KCN Hựu Thạnh, tỉnh Long An theo Hợp đồng thuê lại đất tại Khu công nghiệp Hựu Thạnh số 42/TCT-ĐT ngày 28/07/2022 ký giữa công ty CP Dược phẩm Cửu Long và Tổng Công ty IDICO; hạn mức là 121.700.000.000 VND, thời hạn vay tối đa là 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Khoản vay được thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của khu đất (xem thuyết minh V.10).
- (iii) Khoản vay trung và dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long theo hợp đồng số 02/2023/742762/HĐTD ngày 29 tháng 09 năm 2023 với mục đích vay đầu tư dự án "Xây dựng kho Dược phẩm và Tòa nhà R&D đạt tiêu chuẩn GSP, GLP"; hạn mức là 59.000.000.000 VND, thời hạn vay tối đa là 60 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Khoản vay được thế chấp là Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 100/2023/742762/HĐBĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023 và Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 096/2023/742762/HĐBĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023.
- (iv) Thuê tài chính Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo 3 hợp đồng gồm:
- Hợp đồng số 02.086/2022/TSC-CTTC ngày 29/11/2022 là máy móc thiết bị với số tiền: 22.646.289.061 VND trong thời hạn thuê 5 năm và lãi suất thay đổi theo phụ lục kèm theo.
 - Hợp đồng số 02.001/2023/TSC-CTTC ngày 31/01/2023 là dây chuyền sản xuất viên nang cứng rỗng với số tiền: 138.270.000.000 VND trong thời hạn 7 năm và lãi suất thay đổi theo phụ lục kèm theo, đã giải ngân để ứng trước cho Công ty. Đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán do chưa hình thành tài sản nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuê tài chính.
 - Hợp đồng số 24/2023/CN.MN-CTTC ngày 16/03/2023 là xe ô tô tải (đông lạnh) với số tiền: 2.083.034.000 VND. Lãi suất cho thuê áp dụng trong thời gian 03 tháng kể từ thời điểm giải ngân đầu tiên là: 10,5%/năm.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	72.404.367.644	65.985.853.887
Trên 1 năm đến 5 năm	208.593.320.855	159.598.004.495
Cộng	280.997.688.499	225.583.858.382

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối năm			
Tiền gốc phải trả	20.758.283.640	98.855.900.600	119.614.184.240
Lãi thuê phải trả	10.967.457.576	24.356.977.467	35.324.435.043
Nợ thuê tài chính phải trả	31.725.741.216	123.212.878.067	154.938.619.283

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm			
Tiền gốc phải trả	3.580.080.000	14.319.920.000	17.900.000.000
Lãi thuê phải trả	1.854.909.979	2.755.182.888	4.610.092.867
Nợ thuê tài chính phải trả	5.434.989.979	17.075.102.888	22.510.092.867

Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Vay dài hạn ngắn hạn</u>	<u>Nợ thuê tài chính</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	145.278.084.495	14.319.920.000	159.598.004.495
Số tiền vay phát sinh	16.105.419.764	114.034.880.000	130.140.299.764
Số tiền vay đã trả	-	(8.740.615.760)	(8.740.615.760)
Kết chuyển sang vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(51.646.084.004)	(20.758.283.640)	(72.404.367.644)
Số cuối năm	109.737.420.255	98.855.900.600	208.593.320.855

19c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	3.583.455.553	3.854.149.642
Tăng do trích lập	3.000.000.000	2.000.000.000
Chi quỹ	(1.703.130.100)	(2.270.694.089)
Số cuối năm	4.880.025.453	3.583.455.553

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	588.328.240.000	7.235.773.743	316.281.771.963	20.166.850	51.372.299.063	963.238.251.619
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	142.082.060.000	213.123.090.000	-	-	-	355.205.150.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	111.640.895.900	-	1.273.066.633	112.913.962.533
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.000.000.000)	-	-	(2.000.000.000)
Thay đổi tỷ lệ lợi ích công ty con	-	-	(3.079.129.602)	-	(34.620.870.398)	(37.700.000.000)
Số dư cuối năm trước	730.410.300.000	220.358.863.743	422.843.538.261	20.166.850	18.024.495.298	1.391.657.364.152
Số dư đầu năm nay	730.410.300.000	220.358.863.743	422.843.538.261	20.166.850	18.024.495.298	1.391.657.364.152
Lợi nhuận trong năm	-	-	61.717.400.131	-	416.964.245	62.134.364.376
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(3.000.000.000)	-	-	(3.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	730.410.300.000	220.358.863.743	481.560.938.392	20.166.850	18.441.459.543	1.450.791.728.528



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	424.026.160.000	424.026.160.000
Các cổ đông khác	306.384.140.000	306.384.140.000
Cộng	<u>730.410.300.000</u>	<u>730.410.300.000</u>

21c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	73.041.030	73.041.030
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	73.041.030	73.041.030
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	73.041.030	73.041.030

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 như sau:

	<u>VND</u>
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.000.000.000

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

22a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	6.882,54	7.722,17

22b. Nợ khó đòi đã xử lý

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 và Tờ trình số 07/2023/TT-ĐHĐCĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023, Công ty đã tiến hành xóa nợ cho một số đối tượng công nợ lâu ngày khó đòi đã không còn khả năng thu hồi phát sinh từ năm 2015.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công Ty TNHH Dược Phẩm Thiên Sơn	16.428.897.499	-
Công ty TNHH Dược Phẩm Hải Tâm	4.975.554.629	-
Medical Supply Pharm Enterprise (Cambodia)	3.416.271.572	-
Drug Sivilay Import Export Co. (Lào)	1.310.050.560	-
Các đối tượng khác	3.622.105.757	-
Cộng	<u>29.752.880.017</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	384.601.488.261	111.628.672.489
Doanh thu bán thành phẩm	785.871.643.101	924.533.312.422
Cộng	<u>1.170.473.131.362</u>	<u>1.036.161.984.911</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	21.383.730.463	18.844.053.368
Hàng bán bị trả lại	4.944.608.847	1.554.242.713
Giảm giá hàng bán	198.491.808	78.176.072
Cộng	<u>26.526.831.118</u>	<u>20.476.472.153</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	354.388.431.956	100.619.762.701
Giá vốn của thành phẩm đã bán	574.562.220.517	630.090.579.120
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.081.757.457	2.874.826.024
Cộng	<u>934.032.409.930</u>	<u>733.585.167.845</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	8.513.338.910	25.367.278.991
Lợi nhuận từ hợp tác đầu tư	31.153.888.974	27.344.855.798
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	342.253.940	279.664.597
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	6.251.088	-
Cộng	<u>40.015.732.912</u>	<u>52.991.799.386</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	29.170.083.104	36.283.010.813
Chi phí lãi hợp tác đầu tư	1.360.376.028	3.344.002.741
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.053.481.847	137.969.538
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	64.668.538
Cộng	<u>33.583.940.979</u>	<u>39.829.651.630</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	39.828.419.333	42.222.859.774
Chi phí vật liệu, bao bì	381.916.545	457.713.544
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.783.319.055	1.381.047.660
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.277.642.822	55.895.508.625
<i>Chi phí hỗ trợ bán hàng</i>	<i>7.260.301.559</i>	<i>20.860.771.560</i>
<i>Chi phí vận chuyển</i>	<i>11.372.337.016</i>	<i>7.953.155.008</i>
<i>Chi phí mua ngoài khác</i>	<i>24.645.004.247</i>	<i>27.081.582.057</i>
Các chi phí khác	2.596.701.278	4.049.426.974
Cộng	<u>87.867.999.033</u>	<u>104.006.556.577</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	25.189.326.312	24.801.665.765
Chi phí vật liệu quản lý	364.731.219	548.611.332
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.580.397.104	2.343.858.017
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(1.287.804.169)	1.404.557.901
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.480.401.465	18.167.738.904
Các chi phí khác	2.992.958.060	2.542.129.668
Cộng	<u>51.320.009.991</u>	<u>49.808.561.587</u>

8. Lãi trên cổ phiếu**8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	61.717.400.131	111.640.895.900
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(3.000.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	61.717.400.131	108.640.895.900
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	73.041.030	70.160.462
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>845</u>	<u>1.548</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	73.041.030	58.832.824
Ảnh hưởng của 14.208.206 cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 3 năm 2022	-	11.327.638
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>73.041.030</u>	<u>70.160.462</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 1.591 VND xuống còn 1.548 VND

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	627.515.091.970	721.573.368.264
Chi phí nhân công	125.358.231.549	132.956.452.331
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.278.183.559	38.134.506.674
Chi phí dịch vụ mua ngoài	113.483.067.196	113.826.382.368
Chi phí dự phòng	(1.287.804.169)	1.404.557.901
Chi phí khác	10.276.474.507	23.386.771.232
Cộng	913.623.244.612	1.031.282.038.770

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Nhóm Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được thuyết minh ở V.5a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay				
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch HĐQT	-	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên HĐQT	-	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Ninh Dũng	Thành viên HĐQT	-	48.000.000	48.000.000
Bà Bùi Hồng Hạnh	Thành viên HĐQT	-	48.000.000	48.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

		Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Bà Tường Thị Thu Hạnh	Thành viên HĐQT	-	48.000.000	48.000.000
Bà Phan Thị Hòa	Trưởng BKS	-	36.000.000	36.000.000
Bà Phạm Thị Huê	Thành viên BKS	-	24.000.000	24.000.000
Bà Lê Thị Thương	Thành viên BKS	-	24.000.000	24.000.000
Ông Lương Trọng Hải	Tổng Giám đốc	796.826.918	-	796.826.918
Ông Nghiêm Xuân Trường (từ ngày 01/3/2023)	Phó Tổng Giám đốc	962.150.747	-	962.150.747
Ông Nguyễn Trọng Đức	Phó Tổng Giám đốc	128.574.582	-	128.574.582
Bà Trần Khiêm (từ ngày 01/4/2023)	Phó Tổng Giám đốc	310.302.688	-	310.302.688
Cộng		2.197.854.935	336.000.000	2.533.854.935
Năm trước				
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch HĐQT	-	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT	-	22.000.000	22.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên HĐQT	-	48.000.000	48.000.000
Ông Phí Xuân Trường	Thành viên HĐQT	-	22.000.000	22.000.000
Ông Nguyễn Ninh Dũng	Thành viên HĐQT	-	26.000.000	26.000.000
Bà Bùi Hồng Hạnh	Thành viên HĐQT	-	26.000.000	26.000.000
Bà Tường Thị Thu Hạnh	Thành viên HĐQT	-	26.000.000	26.000.000
Ông Đỗ Thế Cao	Trưởng BKS	-	16.500.000	16.500.000
Bà Phan Thị Hòa	Thành viên BKS	-	30.500.000	30.500.000
Bà Phạm Thị Huê	Thành viên BKS	-	13.000.000	13.000.000
Bà Lê Thị Thương	Thành viên BKS	-	13.000.000	13.000.000
Ông Lương Trọng Hải	Tổng Giám đốc	602.350.000	-	602.350.000
Bà Vũ Thị Minh Hoài	Thành viên BKS	50.000.004	-	50.000.004
Bà Nguyễn Thị Hồng Anh	Thành viên BKS	-	11.000.000	11.000.000
Ông Trịnh Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc	280.020.000	-	280.020.000
Ông Võ Xuân Vinh	Phó Tổng Giám đốc	51.425.000	-	51.425.000
Ông Nguyễn Trọng Đức	Phó Tổng Giám đốc	113.269.000	-	113.269.000
Ông Nguyễn Ngọc Vinh	Phó Tổng Giám đốc	314.956.511	-	314.956.511
Cộng		1.412.020.515	314.000.000	1.726.020.515

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Nhóm Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	Công ty mẹ
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	Công ty cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỨU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Hạt giống TSC	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần FIT Consumer	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Nông Tín	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	Công ty có liên quan với Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Mũi Dinh Ecopark	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Today Cosmetics	Công ty có liên quan với Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Dũng Tâm	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT

Giao dịch với các bên liên quan khác

Nhóm Công ty phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T		
Dịch vụ cho thuê văn phòng và phí tư vấn	11.104.646.874	8.890.409.141
Phải trả lãi hợp tác đầu tư	-	3.062.465.754
Thu tiền theo hợp đồng hợp tác đầu tư	-	184.000.000.000
Chi tiền theo hợp đồng hợp tác đầu tư	-	-
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics		
Mua hàng	202.676.310	225.850.295
Công ty Cổ phần nước khoáng Khánh Hòa		
Mua hàng	-	47.414.400
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T		
Chuyển tiền hợp tác đầu tư	58.900.000.000	26.000.000.000
Thu hồi gốc hợp đồng hợp tác đầu tư	13.800.000.000	26.000.000.000
Lợi nhuận hợp đồng hợp tác đầu tư phải thu	1.665.845.754	76.543.835
Nhận tiền hợp đồng hợp tác đầu tư	-	9.925.000.000
Lợi nhuận hợp đồng hợp tác đầu tư phải trả	119.800.685	98.978.082
Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây		
Mua hàng	192.042.500	240.240.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam		
Nhận tiền hợp tác đầu tư	-	47.000.000.000
Trả tiền hợp tác đầu tư	22.000.000.000	22.000.000.000
Lợi nhuận phải trả từ hợp đồng hợp tác đầu tư	1.240.575.344	182.558.904
Chuyển tiền hợp đồng hợp tác đầu tư	-	9.000.000.000
Thu hồi gốc hợp đồng hợp tác đầu tư	8.700.000.000	300.000.000
Lợi nhuận phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư	106.538.903	153.710.137
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco		
Mua hàng	238.512.039.365	43.941.862.866
Bán hàng	16.762.581.000	12.825.854.500

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thị trường.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.14, V.17 và V.18.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm, được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về hàng hóa/dịch vụ mà Nhóm Công ty cung cấp hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định Nhóm Công ty chỉ có 01 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và 01 bộ phận theo khu vực địa lý và Nhóm Công ty không cần phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Thông tin khác

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas (Công ty con) là bị đơn đang có kiện tụng với Công ty Cổ phần CONFITECH Cửu Long (nguyên đơn). Theo biên bản hòa giải của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long thì bên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán các hạng mục công trình đã thi công với số tiền 4.666.770.659 VND, bị đơn đã thực hiện thanh toán cho nguyên đơn theo hòa giải. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính thì vẫn còn tranh chấp khoản tạm ứng 10% hợp đồng với số tiền 7.250.000.000 VND.

Lập, ngày 23 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Lâm Minh Thương

Kế toán trưởng

Nguyễn Lâm Minh Thương

Phó Tổng Giám đốc



Nghiêm Xuân Trường